

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Tên Dự toán: Thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Phần mềm Kế toán nghiệp vụ Thi hành án dân sự”;
- Tên gói thầu: Thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Phần mềm Kế toán nghiệp vụ Thi hành án dân sự”;
- Chủ đầu tư: Cục Quản lý THADS - Bộ Tư pháp;
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước và phí THADS được để lại từ năm 2025 trở về trước theo chế độ
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 3/2026;
- Địa điểm: Cục Quản lý THADS, 34 cơ quan THADS địa phương;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian thực hiện gói thầu: 33 tháng (thời gian chuẩn bị cung cấp dịch vụ là 30 ngày, thời gian thuê dịch vụ CNTT là 33 tháng).
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

2. Mục tiêu công việc:

2.1. Các hạng mục chính cần thuê dịch vụ CNTT

Các hạng mục chính cần thuê gồm:

- Thuê phần mềm Kế toán nghiệp vụ THADS (bao gồm quản trị vận hành hệ thống phần mềm, hạ tầng cài đặt phần mềm đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm an toàn an ninh mạng);
- Chuyên đổi kết nối dữ liệu và đào tạo hướng dẫn sử dụng.

2.2. Mục tiêu

- Triển khai sử dụng dịch vụ phần mềm kế toán đáp ứng đầy đủ các chế độ, chuẩn mực kế toán, quy định về quản lý tài chính hiện hành;
- Hỗ trợ thực hiện các nghiệp vụ kế toán thi hành án dân sự, tổng hợp số liệu, lập báo cáo tài chính, báo cáo nghiệp vụ THADS kịp thời, chính xác, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành;
- Chuyên đổi dữ liệu từ hệ thống cũ sang hệ thống mới, hình thành và quản lý dữ liệu kế toán tập trung, bảo đảm tính đầy đủ, nhất quán, dễ tra cứu, khai thác, phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;
- Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin và dữ liệu kế toán; đáp ứng yêu cầu về vận hành ổn định, liên tục trong suốt thời gian thuê dịch vụ;

- Tối ưu chi phí thông qua hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, giảm chi phí đầu tư ban đầu, chi phí quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống; bảo đảm khả năng mở rộng, điều chỉnh khi có yêu cầu mới.

2.3. Nội dung và quy mô, phạm vi thuê dịch vụ

a) Quy mô:

- Thuê dịch vụ phần mềm kế toán, bao gồm:

(i) Phần mềm kế toán phục vụ công tác quản lý tài chính - kế toán của cơ quan, đơn vị trong hệ thống thi hành án dân sự;

(ii) Yêu cầu phi chức năng;

(iii) Dịch vụ hạ tầng để vận hành phần mềm đáp ứng quy mô người dùng (2.000 tài khoản; 500 đồng thời), dung lượng lưu trữ, và phạm vi chức năng theo hồ sơ. Hạ tầng đáp đạt các điều kiện tương đương Tier 3 - Tiêu chuẩn hạ tầng về trung tâm dữ liệu;

(iv) Cấu hình ứng dụng kế toán nghiệp vụ thi hành án dân sự;

(v) Dịch vụ quản trị, vận hành, hỗ trợ kỹ thuật và bảo trì hệ thống trong thời gian thuê dịch vụ.

- Chuyển đổi dữ liệu từ hệ thống cũ sang hệ thống mới, kết nối với các hệ thống khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong quá trình thuê dịch vụ.

- Đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán cho cán bộ, công chức làm công tác tài chính – kế toán và các đối tượng có liên quan.

b) Phạm vi:

- Nhóm chức năng chính: (i) Quản lý danh mục kế toán dùng chung; (ii) Quản lý và xử lý chứng từ kế toán; (iii) Hạch toán kế toán và tổng hợp số liệu; (iv) Quản lý thu, chi ngân sách; (v) Quản lý tài sản, công cụ, dụng cụ; (vi) Lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và các báo cáo quản lý theo quy định; (vii) Tra cứu, khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- Cấu hình Phần mềm kế toán nghiệp vụ phù hợp với -quản lý tài chính - kế toán và mô hình tổ chức của hệ thống thi hành án dân sự.

- Chuyển đổi, kết nối dữ liệu.

- Dịch vụ quản trị vận hành và bảo trì hệ thống: Vận hành, giám sát, sao lưu và bảo trì hệ thống.

- Đào tạo và hướng dẫn sử dụng

2.4. Địa điểm, cơ quan và đơn vị sử dụng dịch vụ

Cục Quản lý THADS, 34 cơ quan THADS địa phương.

3. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ CNTT

3.1 Yêu cầu về chất lượng dịch vụ

3.1.1. Yêu cầu chung

Phần mềm Kế toán nghiệp vụ THADS theo kế hoạch thuê dịch vụ phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng dịch vụ CNTT như sau:

- Hệ thống phải tuân thủ về Khung kiến trúc Chính phủ điện tử được quy định tại Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25/03/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 4.0.

- Hệ thống phải đáp ứng khả năng khai thác, sử dụng hiệu quả lâu dài, hoạt động ổn định, liên tục trong suốt thời gian thuê.

- Khả năng mở rộng của dịch vụ công nghệ thông tin: dịch vụ công nghệ thông tin phải có khả năng đáp ứng các yêu cầu nâng cấp, mở rộng theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong quá trình sử dụng.

- Cam kết về bảo mật thông tin: các dữ liệu được sinh ra từ quá trình sử dụng dịch vụ phải được giữ nguyên vẹn không bị mất hay sai lệch về ý nghĩa trong quá trình hệ thống xử lý dữ liệu; Nhà cung cấp dịch vụ không được tự ý truy xuất hoặc khai thác nếu không có yêu cầu của cấp có thẩm quyền, đồng thời phải có cam kết chính thức về trách nhiệm bảo mật thông tin (ngay cả khi đã hết thời gian cung cấp dịch vụ).

- Tính dễ học, dễ sử dụng: Việc khai thác, sử dụng dịch vụ công nghệ thông tin phải kèm theo hướng dẫn sử dụng trực quan, rõ ràng, dễ hiểu. Người dùng có thể dễ dàng tìm kiếm và truy cập vào các hướng dẫn đó. Đảm bảo các chức năng nghiệp vụ có thể dễ dàng được học bởi người sử dụng, ngay cả đối với người không có chuyên môn về công nghệ thông tin.

- Tính liên tục, sẵn sàng: dịch vụ công nghệ thông tin phải bảo đảm hoạt động liên tục, luôn sẵn sàng cho người dùng có thể truy cập và khai thác.

- Khả năng phục hồi sau sự cố: trường hợp việc cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin gặp sự cố trong quá trình sử dụng, nhà cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin phải bảo đảm khả năng tự phục hồi dịch vụ hoặc có thể phục hồi khi có sự can thiệp của quản trị hệ thống. Dịch vụ công nghệ thông tin phải được cung cấp theo các phương thức khoa học, sẵn sàng các phương án, biện pháp bảo đảm dịch vụ được phục hồi nhanh chóng nếu xảy ra sự cố.

- Khả năng thay thế linh hoạt: khi có sự cố xảy ra, các thành phần của phần cứng đảm bảo hoạt động của dịch vụ công nghệ thông tin phải có khả năng thay thế mà không làm ảnh hưởng đến hoạt động và chất lượng cung cấp dịch vụ. Đối với thành phần là phần mềm, phải có khả năng nâng cấp phiên bản hiện tại lên phiên bản mới nhất hoạt thay thế bằng phiên bản phần mềm khác mà không làm ảnh hưởng đến dữ liệu, chất lượng dịch vụ cung cấp.

- Khả năng dự báo sự cố: nhà cung cấp dịch vụ phải cung cấp các thông tin cảnh báo hoặc có các phương thức kiểm tra, giám sát tình trạng hiệu năng

của hạ tầng CNTT, từ đó bên thuê dịch vụ có thể thường xuyên giám sát kiểm tra đề dự báo sự cố và đề xuất phương án phòng, tránh.

- Khả năng tùy biến toàn bộ hoặc một số thành phần dịch vụ công nghệ thông tin: dịch vụ công nghệ thông tin được cung cấp phải có khả năng điều chỉnh, tùy biến nhằm đáp ứng với yêu cầu điều chỉnh của bên thuê dịch vụ, mục đích sử dụng của người dùng.

- Có chức năng tự động sao lưu dự phòng.

- Đảm bảo tốc độ truy cập và khả năng truy nhập, thao tác xử lý của các chức năng với tốc độ nhanh.

- Thái độ phục vụ: Đội ngũ hỗ trợ người dùng phải được đào tạo bài bản, luôn sẵn sàng hỗ trợ một cách nhanh chóng và có thái độ đúng mực, chuyên nghiệp. Duy trì hoạt động, khả năng chăm sóc khách hàng, hỗ trợ xử lý kỹ thuật, hướng dẫn người sử dụng kịp thời. Nhà cung cấp phải đảm bảo phục vụ 24/24, đảm bảo khắc phục sự cố (nếu có) chậm nhất không được quá 8 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của đơn vị thuê đối với phần mềm và không quá 02 ngày đối với phần cứng. (Trường hợp phải thay thế linh kiện phần cứng, thời gian cung cấp linh kiện thay thế không được quá 02 ngày kể từ khi nhà cung cấp dịch vụ gửi yêu cầu thay thế cho đơn vị thuê).

- Khả năng phát triển và tích hợp mở rộng:

Hệ thống phải có khả năng mở rộng các phân hệ chức năng, tích hợp với các phần mềm khác, đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông theo đúng quy định hiện hành và sẵn sàng mở rộng khi có yêu cầu

3.1.2. Yêu cầu về thiết kế hệ thống

Hệ thống CNTT triển khai phải tuân thủ đầy đủ các quy định, hướng dẫn thiết kế và cấu trúc tổng thể theo Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam.

3.1. Yêu cầu kỹ thuật dựa trên chất lượng đầu ra của dịch vụ

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Các tiêu chí về chức năng nghiệp vụ			
1.1	Tính đầy đủ của chức năng nghiệp vụ	Hệ thống đáp ứng đầy đủ các chức năng nghiệp vụ theo yêu cầu của kế hoạch thuê này.	Thực hiện vận hành thử để xác định số lượng chức năng, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu	Thực hiện kiểm tra các báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ của hệ thống để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng
1.2	Tính chính xác của các chức năng nghiệp vụ	Về quản lý tiền mặt: - Đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ thu tiền, chi tiền mặt của đơn vị	Thực hiện vận hành thử để xác định số lượng chức năng, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu	Thực hiện kiểm tra các báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ của hệ thống để đánh giá mức độ

		- Cho phép in Phiếu thu, phiếu chi và Sổ quỹ tiền mặt. - Cảnh báo khi xuất quỹ quá số tiền tồn quỹ của Quyết định thi hành án hoặc yêu cầu thu Về quản lý Tiền gửi: - Đáp ứng đầy đủ nghiệp vụ thu, chi, tại ngân hàng, kho bạc - Theo dõi tiền gửi theo từng tài khoản ngân hàng, Kho bạc. - Đáp ứng in Ủy nhiệm chi và Sổ tiền gửi ngân hàng, kho bạc - Cảnh báo khi xuất quỹ quá số tiền hiện có trên tài khoản ngân hàng, kho bạc Cảnh báo khi xuất quỹ quá số tiền tồn quỹ của Quyết định thi hành án hoặc yêu cầu thu. Về quản lý tài sản, vật chứng: - Quản lý nhập, xuất, tồn theo từng quyết định, từng kho và tổng hợp tất cả các kho - Cho phép điều chuyển kho nội bộ, - Đáp ứng kiểm kê tồn kho. - Đáp ứng in Phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho - Cảnh báo khi xuất quỹ quá số tiền tồn quỹ của Quyết định thi hành án hoặc yêu cầu thu khi xuất quá số lượng tài sản, vật chứng - In được Sổ kho theo dõi tài sản, vật chứng; Thẻ kho, Biên bản kiểm kê, ... Về báo cáo và các		đáp ứng yêu cầu chất lượng
--	--	---	--	-----------------------------------

		chức năng nghiệp vụ khác: - Đáp ứng đầy đủ mẫu Báo cáo tài chính, nghiệp vụ THADS theo Thông tư 78/2020/TT-BTC - Đáp ứng chứng từ, báo cáo theo Thông tư 04/2023/TT-BTP - Cung cấp các mẫu biểu Ủy nhiệm chi, sổ đối chiếu sổ dự theo Nghị định 347/2025/NĐ-CP - Đầy đủ các Sổ sách kế toán tổng hợp, chi tiết theo các hình thức theo Thông tư 78/2020/TT-BTC. Các tính năng khác: - Kết nối, tiếp nhận thông tin biên lai điện tử từ nhà cung cấp và hỗ trợ hoạch toán. - Phân quyền không giới hạn người dùng. - Cảnh báo khi xuất quỹ quá số tiền tồn quỹ của Quyết định thi hành án hoặc yêu cầu thu khi hạch toán thiếu thông tin chi tiết; hạch toán giảm các khoản phải thu, phải trả vượt quá số tạm thu, số phải trả,... - Gửi hồ sơ cho Kho bạc Nhà Nước trực tiếp qua Kho bạc điện tử. - Xem được các cáo thi hành án chi tiết theo từng khu vực, từng chấp hành viên để theo dõi kết quả thi hành án theo từng khu vực và từng chấp hành viên.		
1.3	Tính phù hợp của chức năng với nghiệp vụ	- Đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin: - Tiêu chuẩn kết nối,	Thực hiện vận hành thử để xác định số lượng chức năng, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu	Thực hiện kiểm tra các báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ của hệ thống để đánh giá mức độ

		tích hợp dữ liệu, truy cập thông tin, an toàn thông tin và đặc tả dữ liệu; - Các chức năng nghiệp vụ tuân thủ, đáp ứng các yêu cầu được nêu tại mục 1.2.		đáp ứng yêu cầu chất lượng
2	Các tiêu chí về hiệu năng vận hành			
2.1	Hiệu năng đáp ứng của dịch vụ	Hiệu năng không bị ảnh hưởng từ các yếu tố như: Thời gian, sự tăng trưởng về dữ liệu chính; bảo đảm có khả năng hoạt động không bị ảnh hưởng về dữ liệu trong suốt quá trình thuê sử dụng dịch vụ.	Thực hiện vận hành thử để xác định số lượng chức năng, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu	Thực hiện kiểm tra các báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ của hệ thống để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng
2.2	Phân quyền dữ liệu người dùng	Hệ thống cho phép phân quyền không giới hạn người dùng. Thời gian lưu trữ dữ liệu, tối thiểu 33 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu, bàn giao dịch vụ CNTT đưa vào sử dụng.	Thực hiện kiểm tra các tài liệu liên quan đến giải pháp, phương án triển khai của nhà cung cấp dịch vụ	Thực hiện kiểm tra các báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ của hệ thống để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng
3	Các tiêu chí về an toàn thông tin			
3.1	Bảo mật thông tin	- Hệ thống phần mềm có một module bảo mật được thiết kế riêng cho mức ứng dụng. Một người sử dụng muốn chạy chương trình và thực hiện một số chức năng cụ thể thì phải được quản trị hệ thống cấp cho một tài khoản và gán cho các quyền tương ứng với các chức năng. - Hệ thống ứng dụng phải có khả năng kiểm soát chặt chẽ việc thay đổi các dữ liệu quan trọng để đảm bảo các dữ liệu này không thể thay đổi nếu chưa được xử lý một cách đúng đắn. - Hệ thống phải được	Thực hiện vận hành thử để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng	Thực hiện kiểm tra các báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ của hệ thống để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng

		thiết kế dựa trên một hệ thống bảo mật nhiều lớp và chặt chẽ. Các cấp bảo mật mà hệ thống đưa ra bao gồm: Mức hệ điều hành: Các hệ điều hành có rất nhiều công cụ và công nghệ bảo mật cao. Mỗi sản phẩm chạy trên hệ điều hành đều có thể tận dụng các tính năng này.		
3.2	Khả năng truy xuất nguồn gốc	- Có khả năng lưu Logs hệ thống theo thời gian định kỳ để phục vụ truy xuất. - Các hành động của người sử dụng trên hệ thống được lưu vết hoặc có thể tra cứu được khi cần	Thực hiện vận hành thử để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng	Thực hiện kiểm tra các báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ của hệ thống để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng
3.3	Cam kết về bảo mật thông tin	Đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng phải cam kết không có các đoạn mã độc hại trong sản phẩm.	Có cam kết	Không vi phạm các cam kết về bảo mật thông tin
3.4	Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, các phương án bảo đảm an toàn thông tin, giám sát thông tin đáp ứng yêu cầu an toàn tối thiểu, cơ bản theo quy định	Thực hiện kiểm tra các nội dung bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ để đánh giá mức độ đáp ứng của yêu cầu chất lượng	Thực hiện kiểm tra các nội dung bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ để đánh giá mức độ đáp ứng của yêu cầu chất lượng
4	Các tiêu chí phi chức năng khác			
4.1	Tuân thủ các yêu cầu chung về kỹ thuật			
4.1.1	Tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước	Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế trong quá trình xây dựng các ứng dụng công nghệ thông tin: - Tiêu chuẩn kết nối, tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu, tiêu chuẩn về truy cập thông tin, tiêu chuẩn về an toàn thông tin, tiêu chuẩn về dữ liệu đặc tả sẽ căn cứ theo Danh mục tiêu chuẩn	Thực hiện kiểm tra các tài liệu liên quan đến giải pháp	

		về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước đã được ban hành theo Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan		
4.1.2	Nền tảng công nghệ	Hệ thống sử dụng Nền tảng Công nghệ Điện toán đám mây (Cloud Computing) hoặc các công nghệ khác tương đương	Thực hiện kiểm tra các tài liệu liên quan đến giải pháp	
4.2	Khả năng sử dụng			
4.2.1	Khả năng sử dụng	Giải pháp phải có tính ổn định cao đáp ứng nhu cầu xử lý công việc cho các đơn vị thuộc Cục Quản lý THADS sử dụng. Khi có sự thay đổi các tính năng yêu cầu thì phải đáp ứng kịp thời và linh hoạt tùy biến cho người sử dụng.	Thực hiện vận hành thử để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu	Thực hiện tổ chức kiểm tra thực tế để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng
4.2.2	Khả năng ngăn chặn lỗi cơ bản từ người sử dụng	Phần mềm cung cấp cần phải ngăn chặn và Cảnh báo khi xuất quỹ quá số tiền tồn quỹ của Quyết định thi hành án hoặc yêu cầu thu các lỗi cơ bản người sử dụng gặp phải trong quá trình truy cập, nhập liệu, liên thông dữ liệu.	Thực hiện vận hành thử để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu	Thực hiện tổ chức kiểm tra thực tế để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng
4.2.3	Khả năng truy cập, sử dụng hệ thống đa dạng	Hỗ trợ truy cập, khai thác dịch vụ trên nền tảng Web base	Thực hiện vận hành thử để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu	Thực hiện khảo sát, thu thập thông Tin của người sử dụng để đánh giá mức độ đáp
4.2.4	Tính dễ học, dễ sử dụng			
		Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng của phần mềm bản cứng và bản mềm.	Kiểm tra thực tế các tài liệu do Nhà thầu bàn giao theo yêu cầu.	Thực hiện khảo sát, thu thập thông Tin của người sử dụng để đánh giá mức độ đáp
4.3	Tính tin cậy			
4.3.1	Tính liên tục, sẵn sàng	Đáp ứng yêu cầu sẵn sàng 24/7 trừ trường		Kiểm tra nhật ký cung cấp dịch vụ và

		hợp gián đoạn hệ thống phục vụ bảo trì, nâng cấp.		thu thập thông tin từ người sử dụng để đánh giá chất lượng dịch vụ CNTT.
4.3.2	Khả năng phục hồi sau sự cố	Thời gian để khôi phục dịch vụ CNTT sau sự cố tối đa là 24 tiếng đồng hồ kể từ thời điểm xảy ra sự cố.		Kiểm tra nhật ký cung cấp dịch vụ và thu thập thông tin từ người sử dụng để đánh giá chất lượng dịch vụ CNTT.
4.4	Khả năng bảo trì			
4.4.1	Khả năng phân tích sự cố	- Theo dõi tải hoạt động các ứng dụng phần mềm, có biện pháp tối ưu, nâng cấp khi cần thiết để đảm bảo hiệu năng hệ thống, luôn đáp ứng cho người dùng. - Xử lý các sự cố và yêu cầu phát sinh khác trong quá trình vận hành. - Nâng cấp phần mềm theo phản ánh, đề xuất của người dùng. - Nâng cấp điều chỉnh ngay trong quá trình triển khai (thực hiện các giải pháp gấp để khắc phục các tình huống, xử lý các sự cố).	Cam kết của nhà cung cấp dịch vụ.	Thực hiện tổ chức kiểm tra thực tế để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng
4.4.2	Khả năng thay thế linh hoạt	Khi có sự thay đổi các tính năng yêu cầu thì phải đáp ứng kịp thời và linh hoạt tùy biến cho người sử dụng.	Cam kết của nhà cung cấp dịch vụ	Thực hiện tổ chức kiểm tra thực tế để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng
4.4.3	Khả năng dự báo sự cố	Yêu cầu hệ thống có khả năng dự báo, Cảnh báo khi xuất quỹ quá số tiền tồn quỹ của Quyết định thi hành án hoặc yêu cầu thu sự cố một cách kịp thời và đưa ra hướng dẫn khắc phục sự cố không quá 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố	Cam kết của nhà cung cấp dịch vụ	Thực hiện tổ chức kiểm tra thực tế để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng
4.5	Khả năng điều chỉnh			
4.6	Khả năng tích hợp, kết nối			

4.6.1	Khả năng tích hợp, kết nối	Giải pháp đưa ra phải sẵn sàng kết nối, tích hợp với hệ thống thi hành án để lấy quyết định thi hành án, Biên lai điện tử về hạch toán kế toán và thực hiện cung cấp dữ liệu kết quả thu, chi khi hệ thống nền tảng số THADS sẵn sàng tiếp nhận	Cam kết của nhà cung cấp dịch vụ; Thực hiện vận hành thử để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu	Thực hiện tổ chức kiểm tra thực tế để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng
4.6.2	Khả năng tích hợp, kết nối với các hệ thống giám sát, các hệ thống của bên thứ ba để phục vụ nhu cầu quản lý, theo dõi, giám sát của chủ trì thuê dịch vụ	- Có khả năng kết nối, chia sẻ các dữ liệu đã hình thành trong quá trình thực hiện phần mềm kế toán (chứng từ kế toán; sổ kế toán; báo cáo tài chính theo quy định) khi hệ thống nền tảng số THADS sẵn sàng tiếp nhận. - Trong trường hợp phát sinh yêu cầu kết nối dữ liệu ngoài phạm vi của dự án, các bên sẽ tiến hành thương thảo, thống nhất về nội dung công việc, kinh phí triển khai. Sau khi đạt được thỏa thuận, các bên tiến hành thực hiện thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.	Cam kết của nhà cung cấp dịch vụ	
4.7	Mức độ sử dụng, khai thác của dịch vụ trong kỳ đánh giá	Đảm bảo việc triển khai tổng thể hệ thống tại Cục Quản lý THADS - Bộ Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Cam kết của nhà cung cấp dịch vụ	Thực hiện tổ chức kiểm tra thực tế để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng
5	Các tiêu chí về sự hài lòng của người sử dụng			
5.1	Tính kịp thời	Dịch vụ công nghệ thông tin bảo đảm bảo được cung cấp tới người dùng đúng thời gian theo kế hoạch, có hiệu lực đúng quy định của cấp có thẩm quyền	Kiểm tra và giám sát công tác triển khai xây dựng hệ thống phục vụ cung cấp dịch vụ.	Kiểm tra nhật ký cung cấp dịch vụ và thu thập thông tin từ người sử dụng để đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí chất lượng này.
5.2	Phản hồi của	Dịch vụ công nghệ		Đánh giá định kỳ để

	người sử dụng	thông tin phải cho phép ghi nhận các ý kiến của người dùng và nhận được các phản hồi tích cực từ phía người dùng trong quá trình sử dụng trong một thời gian hữu hạn theo hợp đồng/thỏa thuận cung cấp dịch vụ		đánh giá
5.3	Thái độ phục vụ	Đội ngũ hỗ trợ người dùng phải được đào tạo bài bản luôn sẵn sàng hỗ trợ một cách nhanh chóng và có thái độ đúng mực, chuyên nghiệp		Tổ chức khảo sát, thu thập, phân tích đánh giá phản hồi của đơn vị sử dụng dịch vụ (sử dụng tiêu chí: Đáp ứng, Chưa đáp ứng) để đưa ra đánh giá về tiêu chí chất lượng này.
6	Các tiêu chí về quản lý dịch vụ			
6.1	Tuân thủ quy trình	Nhà cung cấp dịch vụ cần tuân thủ các quy trình triển khai do bên thuê đưa ra và có trách nhiệm thiết kế, cấu hình các luồng chức năng nghiệp vụ trên phần mềm theo quy trình nghiệp vụ thực tế tại Cục Quản lý THADS - Bộ Tư pháp và các cơ quan do bên thuê ban hành.	Kiểm tra thực tế.	Kiểm tra thực tế.
6.2	Môi trường làm việc	Nhà cung cấp dịch vụ phải có trụ sở hoặc chi nhánh hoặc văn phòng đại diện đáp ứng kịp thời nhu cầu của Bên thuê dịch vụ.	Kiểm tra thực tế.	Kiểm tra thực tế.
6.3	Báo cáo dịch vụ	Nhà cung cấp dịch vụ phải có báo cáo dịch vụ theo các giai đoạn: Chuẩn bị cung cấp dịch vụ và Chính thức cung cấp dịch vụ.	Kiểm tra báo cáo kết quả xây dựng hệ thống phục vụ cung cấp dịch vụ CNTT.	Kiểm tra báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ theo kỳ đánh giá.
6.4	Quản lý tính sẵn sàng và tính liên tục của dịch vụ	Nhà cung cấp dịch vụ phải đánh giá và ghi lại rủi ro ảnh hưởng đến tính sẵn sàng và tính liên tục của dịch vụ trên cơ sở thống	Kiểm tra và giám sát công tác triển khai các công cụ, nhân lực quản lý khai thác và vận hành hệ thống	Tổ chức khảo sát, kiểm tra đánh giá thực tế kết hợp thu thập, phân tích đánh giá phản hồi của đơn vị sử dụng dịch

		nhất các chỉ tiêu chất lượng với bên thuê dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ phải tạo ra, thực hiện và duy trì các kế hoạch về tính sẵn sàng và tính liên tục của dịch vụ	cùng cam kết của Nhà cung cấp dịch vụ về việc nâng cấp phần mềm hàng năm khi có yêu cầu phát sinh.	vụ để đưa ra đánh giá về tiêu chí chất lượng này.
6.5	Quản lý thay đổi	Thông tin về việc thay đổi của hệ thống phải được ghi nhận trong suốt quá trình cung cấp dịch vụ.	Kiểm tra văn bản xác nhận, thống nhất các thay đổi về hệ thống trong quá trình xây dựng hệ thống.	Kiểm tra báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ và văn bản xác nhận, thống nhất các thay đổi về hệ thống theo kỳ đánh giá (nếu có).
6.6	Quản lý và triển khai phiên bản	Thông tin về các phiên bản của hệ thống phải được ghi nhận trong suốt quá trình cung cấp dịch vụ (nếu có thay đổi).		Kiểm tra báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ và văn bản liên quan đến triển khai phiên bản của hệ thống theo kỳ đánh giá (nếu có).

3.2. Yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ

Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ thông tin và Truyền thông ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước đối với các quy định bắt buộc áp dụng.

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
1	Tiêu chuẩn về kết nối			
1.1	Truyền siêu văn bản	HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	Áp dụng trong phân hệ quản trị dữ liệu và dịch vụ dữ liệu
1.2	Truyền tệp tin	FTP	File Transfer Protocol	
		HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	
		WebDAV	Web-based Distributed Authoring and Versioning	
1.3	Truyền, phát luồng thanh/âm hình ảnh	RTSP	Real-time Streaming Protocol	Không áp dụng
		RTP	Real-time Transport Protocol	Không áp dụng
		RTCP	Real-time Control Protocol	Không áp dụng
1.4	Truy cập và chia sẻ dữ liệu	OData v4	Open Data Protocol version 4.0	Khuyến nghị áp dụng trong phân hệ quản trị dữ liệu và dịch vụ dữ liệu
1.5	Truyền thư	SMTP/ MIME	Simple Mail Transfer	Khuyến nghị

	điện tử		Protocol/Multipurpose Internet Mail Extensions	áp dụng với chức năng gửi mail
1.6	Cung cấp dịch vụ truy cập hộp thư điện tử	POP3	Post Office Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng
		IMAP 4rev1	Internet Message Access Protocol version 4 revision 1	
1.7	Truy cập thư mục	LDAP v3	Lightweight Directory Access Protocol version 3	
1.8	Dịch vụ tên miền	DNS	Domain Name System	
1.9	Giao vận mạng có kết nối	TCP	Transmission Control Protocol	
1.10	Giao vận mạng không kết nối	UDP	User Datagram Protocol	
1.11	Liên mạng LAN/WAN	IPv4	Internet Protocol version 4	Hệ thống phải hỗ trợ, sẵn sàng triển khai Ipv6 theo lộ trình của Chính phủ/Bộ Tư pháp/ Bộ Khoa học và Công nghệ.
		IPv6	Internet Protocol version 6	
1.12	Mạng cục bộ không dây	IEEE 802.11g	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11g	Không áp dụng trong hệ thống phần mềm
		IEEE 802.11n	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11n	Không áp dụng trong hệ thống phần mềm
1.13	Truy cập Internet với thiết bị không dây	WAP v2.0	Wireless Application Protocol version 2.0	Không áp dụng trong hệ thống phần mềm
1.14	Dịch vụ Web dạng SOAP	SOAP v1.2	Simple Object Access Protocol version 1.2	Có áp dụng trong hệ thống phần mềm
		WSDL V2.0	Web Services Description Language version 2.0	
		UDDI v3	Universal Description, Discovery and Integration version 3	
1.15	Dịch vụ Web dạng RESTful	RESTful web service	Representational state transfer	Có áp dụng trong hệ thống phần mềm
1.16	Dịch vụ đặc	WS BPEL v2.0	Web Services Business Process	Khuyến nghị

	tả Web		Execution Language Version 2.0	áp dụng
		WS-I Simple SOAP Binding Profile Version 1.0	Simple SOAP Binding Profile Version 1.0	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Federation v1.2	Web Services Federation Language Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Addressing v1.0	Web Services Addressing 1.0	Khuyến nghị áp dụng
		WS-Coordination Version 1.2	Web Services Coordination Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS-Policy v1.2	Web Services Coordination Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		OASIS Web Services Business Activity Version 1.2	Web Services Business Activity Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Discovery Version 1.1	Web Services Dynamic Discovery Version 1.1	Khuyến nghị áp dụng
		WS-MetadataExchange	Web Services Metadata Exchange	Khuyến nghị áp dụng
1.17	Dịch vụ đồng bộ thời gian	NTP v3	Network Time Protocol version 3	Không áp dụng trong hệ thống phần mềm (áp dụng tại tầng hạ tầng cho máy chủ nhằm đảm bảo đồng bộ thời gian cho toàn bộ hệ thống ứng dụng)
2	Tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu			
2.1	Ngôn ngữ định dạng văn bản	XML v1.0 (5 th Edition)	Extensible Markup Language version 1.0 (5 th Edition)	Có áp dụng
		XML v1.1 (2 nd Edition)	Extensible Markup Language version 1.1	
2.2	Ngôn ngữ định dạng văn bản cho giao dịch điện tử	ISO/TS 15000:2014	Electronic Business	Có áp dụng
			Extensible Markup Language (ebXML)	
2.3	Định nghĩa các lược đồ trong tài liệu XML	XML Schema V1.1	XML Schema version 1.1	Bắt buộc áp dụng
2.4	Biến đổi dữ liệu	XSL	Extensible Stylesheet Language	Bắt buộc áp dụng phiên

				bản mới nhất.
2.5	Mô hình hóa đối tượng	UML v2.5	Unified Modelling Language version 2.5	Khuyến nghị áp dụng
2.6	Mô tả tài nguyên dữ liệu	RDF	Resource Description Framework	Khuyến nghị áp dụng
		OWL	Web Ontology Language	Khuyến nghị áp dụng
2.7	Trình diễn bộ kí tự	UTF-8	8-bit Universal Character Set (UES)/Unicode Transformation Format	Bắt buộc áp dụng
2.8	Khuôn thức trao đổi thông tin địa lý	GML v3.3	Geography Markup Language version 3.3	Không áp dụng
2.9	Truy cập và cập nhật các thông tin địa lý	WMS v1.3.0	OpenGIS Web Map Service version 1.3.0	Không áp dụng
		WFS v1.1.0	Web Feature Service version 1.1.0	Không áp dụng
2.10	Trao đổi dữ liệu đặc tả tài liệu XML	XMI v2.4.2	XML Metadata Interchange version 2.4.2	Bắt buộc áp dụng XML Schema, XSL (phiên bản mười nhất)
2.11	Sổ đăng ký siêu dữ liệu (MDR)	ISO/IEC 11179:2015	Sổ đăng ký siêu dữ liệu (Metadata registries - MDR)	Khuyến nghị áp dụng
2.12	Bộ phần tử siêu dữ liệu Dublin Core	ISO 15836-1:2017	Bộ phần tử siêu dữ liệu Dublin Core	Khuyến nghị áp dụng(*)
2.13	Định dạng trao đổi dữ liệu mô tả đối tượng dạng kịch bản JavaScript	JSON RFC 7159	JavaScript Object Notation	Khuyến nghị áp dụng
2.14	Ngôn ngữ mô hình quy trình nghiệp vụ	BPMN 2.0	Business Process Model and Notation version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
3	Tiêu chuẩn về truy cập thông tin			
3.1	Chuẩn nội dung Web	HTML v5.01	Hypertext Markup Language version 5.01	Bắt buộc áp dụng
3.2	Chuẩn nội dung Web mở rộng	XHTML v1.1	Extensible Hypertext Markup Language version 1.1	Bắt buộc áp dụng
3.3	Giao diện người dùng	CSS2	Cascading Style Sheets Language Level 2	Bắt buộc áp dụng một trong ba tiêu chuẩn
		CSS3	Cascading Style Sheets Language Level 3	
		XSL	Extensible Stylesheet Language version	
3.4	Văn bản	(.txt)	Định dạng Plain Text (.txt):	Bắt buộc áp dụng

			Dành cho các tài liệu cơ bản không có cấu trúc	dụng
		(.rtf) v1.8, v1.9.1	Định dạng Rich Text (.rtf) phiên bản 1.8, 1.9.1: dành cho các tài liệu có thể trao đổi giữa các nền khác nhau	Bắt buộc áp dụng
		(.docx)	Định dạng văn bản Word của Microsoft (.docx) phiên bản Word 2007	Khuyến nghị áp dụng
		(.pdf) v1.4, v1.5, v1.6, v1.7	Định dạng Portable Document (.pdf) phiên bản 1.4, 1.5, 1.6, 1.7: dành cho các tài liệu chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.doc)	Định dạng văn bản Word của Microsoft (.doc) phiên bản Word 1997-2003	
		(.odt) v1.2	Định dạng Open Document Text (.odt) phiên bản 1.2	
3.5	Bảng tính	(.csv)	Định dạng Comma separated Variable/Delimited (.csv): dành cho các bảng tính cần trao đổi giữa các ứng dụng khác nhau.	Bắt buộc áp dụng
		(.xlsx)	Định dạng bảng tính Excel của Microsoft (.xlsx) phiên bản Excel 2007	Khuyến nghị áp dụng
		(.xls)	Định dạng bảng tính Excel của Microsoft (.xls) phiên bản Excel 1997-2003	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		(.ods) v1.2	Định dạng Open Document Spreadsheets (.ods) phiên bản 1.2	
3.6	Trình diễn	(.htm)	Định dạng Hypertext Document (.htm): cho các trình bày được trao đổi thông qua các loại trình duyệt khác nhau	Bắt buộc áp dụng
		(.pptx)	Định dạng PowerPoint (.pptx) của Microsoft phiên bản PowerPoint 2007	Khuyến nghị áp dụng
		(.pdf)	Định dạng Portable Document (.pdf): cho các bài trình bày lưu dưới dạng chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.ppt)	Định dạng PowerPoint (.ppt) của Microsoft phiên bản PowerPoint 1997-2003	
		(.odp) v1.2	Định dạng Open Document Presentation (.odp) phiên bản 1.2	
3.7	Ảnh đồ họa	JPEG	Joint Photographic Expert Group (.jpg)	Bắt buộc áp dụng một, hai, ba hoặc cả bốn tiêu
		GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	

		TIFF	Tag Image File (.tif)	chuẩn
		PNG	Portable Network Graphics (.png)	
3.8	Ảnh gắn với tọa độ địa lý	GEO TIFF	Tagged Image File Format for GIS applications	áp dụng khi dữ liệu đầu vào có thông tin tọa độ
3.9	Phim ảnh, âm thanh	MPEG-1	Moving Picture Experts Group-1	Khuyến nghị áp dụng
		MPEG-2	Moving Picture Experts Group-2	Khuyến nghị áp dụng
		MPEG-4	Moving Picture Experts Group-4	Khuyến nghị áp dụng
		MP3	MPEG-1 Audio Layer 3	Khuyến nghị áp dụng
		AAC	Advanced Audio Coding	Khuyến nghị áp dụng
3.10	Luồng phim ảnh, âm thanh	(.asf), (.wma), (.wmv)	Các định dạng của Microsoft Windows Media Player (.asf), (.wma), (.wmv)	Khuyến nghị áp dụng
		(.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	Các định dạng Real Audio/Real Video (.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	Khuyến nghị áp dụng
		(.avi), (.mov), (.qt)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi), (.mov), (.qt)	Khuyến nghị áp dụng
3.11	Hoạt họa	GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	Khuyến nghị áp dụng
		(.swf)	Định dạng Macromedia Flash (.swf)	Khuyến nghị áp dụng
		(.swf)	Định dạng Macromedia Shockwave (.swf)	Khuyến nghị áp dụng
		(.avi), (.qt), (.mov)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi),(.qt),(.mov)	Khuyến nghị áp dụng
3.12	Chuẩn nội dung cho thiết bị di động	WML v2.0	Wireless Markup Language version 2.0	Không áp dụng
3.13	Bộ ký tự và mã hóa	ASCII	American Standard Code for Information Interchange	Hỗ trợ/khuyến nghị áp dụng
3.14	Bộ ký tự và mã hóa cho tiếng Việt	TCVN 6909:2001	TCVN 6909:2001 “Công nghệ thông tin - Bộ mã ký tự tiếng Việt 16-bit”	Hỗ trợ/khuyến nghị áp dụng
3.15	Nén dữ liệu	Zip	Zip (.zip)	Khuyến nghị áp dụng khi upload file hoặc tải
		.gz v4.3	GNU Zip (.gz) version 4.3	
3.16	Ngôn ngữ kịch bản phía trình khách	ECMA 262	ECMAScript version 6 (6 th Edition)	Bắt buộc áp dụng
3.17	Chia sẻ nội dung Web	RSS v1.0	RDF Site Summary version 1.0	Khuyến nghị áp dụng một trong hai tiêu
		RSS v2.0	Really Simple Syndication	

			version 2.0	chuẩn
		ATOM v1.0	ATOM version 1.0	Khuyến nghị áp dụng
3.18	Chuẩn kết nối ứng dụng công thông tin điện tử	JSR 168	Java Specification Requests 168 (Portlet Specification)	Khuyến nghị áp dụng
		JSR 286	Java Specification Requests 286 (Portlet Specification)	
		WSRP v1.0	Web Services for Remote Portlets version 1.0	
		WSRP v2.0	Web Services for Remote Portlets version 2.0	
4	Tiêu chuẩn về an toàn thông tin			
4.1	An toàn thư điện tử	S/MIME v3.2	Secure Multi-purpose Internet Mail Extensions version 3.2	Khuyến nghị áp dụng
		OpenPGP	OpenPGP	Khuyến nghị áp dụng
4.2	An toàn tầng giao vận	SSH v2.0	Secure Shell version 2.0	Không áp dụng
		TLS v1.2	Transport Layer Security version 1.2	Bắt buộc áp dụng, sử dụng cho giao thức HTTPS và các dịch vụ bảo mật liên quan.
4.3	An toàn truyền tệp tin	HTTPS	Hypertext Transfer Protocol over Secure Socket Layer	Bắt buộc áp dụng
		FTPS	File Transfer Protocol over Secure Socket Layer	Khuyến nghị áp dụng
		SFTP	SSH File Transfer Protocol	Khuyến nghị áp dụng
4.4	An toàn truyền thư điện tử	SMTPS	Simple Mail Transfer Protocol over Secure Socket Layer	Không áp dụng
4.5		POP3S	Post Office Protocol version 3 Secure	Không áp dụng
	An toàn dịch vụ truy cập hộp thư	IMAPS	Internet Message Access Protocol over Secure Socket Layer	
4.6	An toàn dịch vụ DNS	DNSSEC	Domain Name System Security Extensions	Khuyến nghị áp dụng
4.7	An toàn tầng mạng	IPsec - IP ESP	Internet Protocol security với IP ESP	Khuyến nghị áp dụng
4.8	An toàn thông tin cho mạng không dây	WPA2	Wi-fi Protected Access 2	Khuyến nghị áp dụng
4.9	Giải thuật mã hóa	TCVN 7816:2007	Công nghệ thông tin. Kỹ thuật mật mã thuật toán mã dữ liệu AES	Khuyến nghị áp dụng
		3DES	Triple Data Encryption	Khuyến nghị

			Standard	áp dụng
4.10	Giải thuật chữ ký số	PKCS #1 V2.2	RSA Cryptography Standard - version 2.2	Khuyến nghị áp dụng
		ECDSA	Elliptic Curve Digital Signature Algorithm	Khuyến nghị áp dụng
4.11	Giải thuật băm cho chữ ký số	SHA-2	Secure Hash Algorithms-2	Khuyến nghị áp dụng
4.12	Giải thuật truyền khóa	RSA-KEM	Rivest-Shamir-Adleman - KEM (Key Encapsulation Mechanism) Key Transport Algorithm	Khuyến nghị áp dụng
4.13	Giải pháp xác thực người sử dụng	SAML v2.0	Security Assertion Markup Language version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4.14	An toàn trao đổi bản tin XML	XML Encryption Syntax and Processing	XML Encryption Syntax and Processing	Khuyến nghị áp dụng khi phát sinh trao đổi với XML
		XML Signature Syntax and Processing	XML Signature Syntax and Processing	Khuyến nghị áp dụng
4.15	Quản lý khóa công khai bản tin XML	XKMS v2.0	XML Key Management Specification version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4.16	Hạ tầng khóa công khai			
	Cú pháp thông điệp mật mã cho ký, mã hóa	PKCS#7 v1.5 (RFC 2315)	Cryptographic message syntax for file-based signing and encrypting	Khuyến nghị áp dụng
	Cú pháp thông tin thẻ mật mã	PKCS#15 v1.1	Cryptographic token information syntax	
	Cú pháp thông tin khóa riêng	PKCS#8 V1.2 (RFC 5958)	Private-Key Information Syntax Standard version 1.2	
	Giao diện thẻ mật mã	PKCS#11 v2.20	Cryptographic token interface standard version 2.20	
	Cú pháp trao đổi thông tin cá nhân	PKCS#12 v1.1	Personal Information Exchange Syntax version 1.1	
	Khuôn dạng danh sách chứng thư số thu hồi	RFC 5280	Certificate Revocation List Profile	
	Khuôn dạng chứng thư số	RFC 5280	Public Key Infrastructure Certificate	
	Cú pháp yêu cầu chứng thực	PKCS#10 v1.7 (RFC 2986)	Certification request	
	Giao thức	RFC 6960	On-line Certificate status	

	trạng thái chứng thư trực tuyến		protocol	
	Giao thức gắn tem thời gian	RFC 3161	Time stamping protocol	
	Dịch vụ tem thời gian	ISO/IEC 18014-1:2008	Information technology Security techniques - Time stamping services	
		ISO/IEC 18014-2:2009	Part 1: Framework	
		ISO/IEC 18014-3:2009	Part 2: Mechanisms producing independent tokens	
		ISO/IEC 18014-4:2015	Part 3: Mechanisms producing linked tokens	
			Part 4: Traceability of time sources	
4.17	An toàn cho dịch vụ Web	WS-Security v1.1.1	Web Services Security: SOAP Message Security Version 1.1.1	Khuyến nghị áp dụng
4.18	Khuôn dạng dữ liệu trao đổi sự cố an toàn mạng	RFC 7970	The Incident Object Description Exchange Format version 2 (IODEF)	Khuyến nghị áp dụng

- Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11930:2017 Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Ngoài ra các yêu cầu về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số cần được đảm bảo theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ.

3.3 Yêu cầu mô hình triển khai hệ thống

Phần mềm Kế toán nghiệp vụ THADS được thiết kế và triển khai phù hợp với các nguyên tắc sau:

- Kiến trúc của phần mềm phải phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0 (KT CPS 4.0) của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25/03/2025 về Khung Kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0.

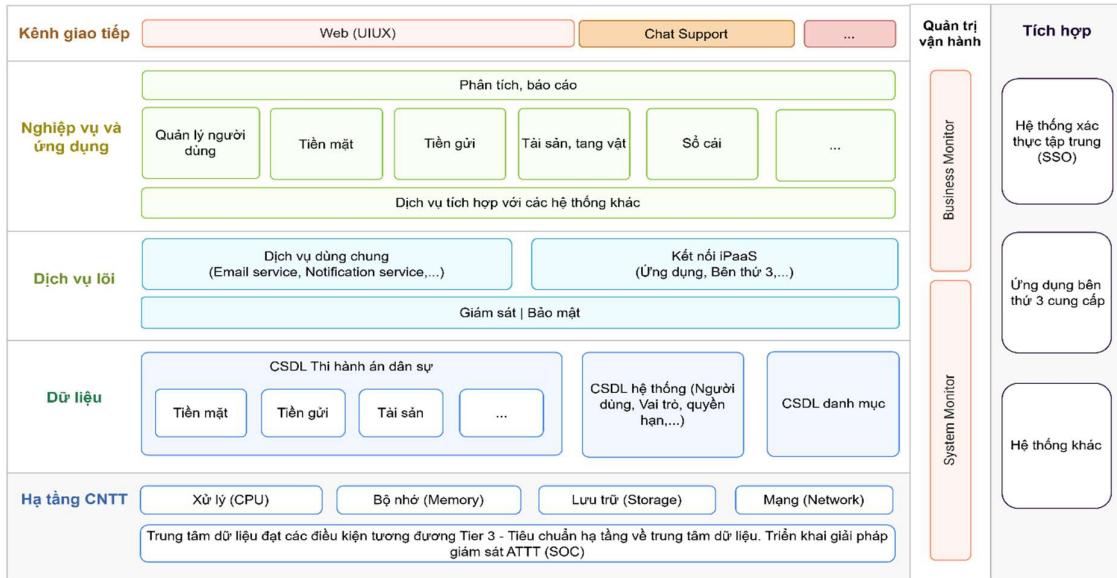
- Phù hợp với Khung Kiến trúc tổng thể số cấp Bộ Tư Pháp phiên bản 4.0 được ban hành theo Quyết định số 3828/QĐ-BTP ngày 31/12/2025 của Bộ Tư Pháp.

3.4.1. Mô hình kiến trúc tổng thể

Dựa trên tình hình thực tế tại đơn vị và định hướng chuyển đổi số trong các lĩnh vực của Bộ Tư pháp, mô hình tổng thể Phần mềm Kế toán nghiệp vụ THADS được xây dựng nhằm đáp ứng mục tiêu quản lý, triển khai và vận hành thống nhất trong toàn hệ thống THADS, phục vụ công tác kế toán nghiệp vụ

(chứng từ, sổ sách, tổng hợp và báo cáo theo quy định), bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, liên tục. Thúc đẩy công tác chuyển đổi số toàn diện công tác THADS. Mô hình này được thiết kế theo hướng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm tính kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác hiện có.

Mô hình Phần mềm Kế toán nghiệp vụ THADS được thiết kế theo hướng nền tảng công nghệ tập trung, hiện đại và linh hoạt, bảo đảm đáp ứng yêu cầu vận hành nghiệp vụ theo phương thức toàn diện, kết nối – liên thông và dễ dàng mở rộng trong tương lai.



Hình 2. Mô hình kiến trúc tổng thể phần mềm kế toán nghiệp vụ

Kiến trúc tổng thể của hệ thống được tổ chức theo năm lớp bao gồm: Kênh giao tiếp, Nghiệp vụ & Ứng dụng, Dịch vụ lõi, Dữ liệu, Hạ tầng CNTT và các khối chức năng tích hợp kết nối.

Lớp Kênh giao tiếp cung cấp các giao diện Web và Chat Support thống nhất UI/UX, cho phép cán bộ kế toán, chấp hành viên và lãnh đạo truy cập dịch vụ mọi nơi. Kênh Chat có thể gắn với trợ lý số để tra cứu hồ sơ, sinh báo cáo hoặc hướng dẫn thao tác theo ngữ cảnh, nhưng vẫn tuân thủ phân quyền của khối nghiệp vụ.

Lớp Nghiệp vụ & Ứng dụng hiện thực các phân hệ cốt lõi của kế toán thi hành án: quản lý người dùng, tiền mặt, tiền gửi, tài sản - tang vật, cùng dải chức năng phân tích, báo cáo. Một “thanh tích hợp” tại lớp nghiệp vụ đảm nhiệm việc gọi/nhận dữ liệu từ các hệ thống ngành (nền tảng số THADS), Kho bạc Nhà nước, biên lai điện tử theo cơ chế API chuẩn, bảo đảm dòng chảy dữ liệu hai chiều và nhật ký truy vết đầy đủ.

Lớp Dịch vụ lỗi cung cấp các năng lực dùng chung cho toàn hệ thống như dịch vụ email/thông báo, hàng đợi sự kiện và nền tảng kết nối để tích hợp ứng dụng bên thứ ba.

Lớp Dữ liệu phân tách rõ kho giao dịch và kho phân tích. CSDL THADS lưu dữ liệu nghiệp vụ theo miền (tiền mặt, tiền gửi, tài sản, ...) bảo đảm toàn vẹn và hiệu năng giao dịch; CSDL hệ thống quản lý danh tính, vai trò, quyền hạn và cấu hình; CSDL danh mục cung cấp từ điển dùng chung.

Lớp Hạ tầng CNTT cung cấp tài nguyên xử lý, bộ nhớ, lưu trữ và mạng theo mô hình ảo hoá/container hoá. Chính sách sao lưu nhiều lớp và diễn tập khôi phục định kỳ bảo đảm theo cam kết, đồng thời hỗ trợ mở rộng dung lượng theo nhu cầu tăng trưởng. Hệ thống phải được triển khai giải pháp giám sát an toàn thông tin tập trung theo mô hình Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) hoặc dịch vụ SOC thuê ngoài, nhằm thu thập, phân tích nhật ký, phát hiện sớm, cảnh báo và hỗ trợ xử lý kịp thời các sự cố, nguy cơ mất an toàn thông tin trong suốt quá trình vận hành. Giải pháp giám sát bảo đảm phù hợp với quy mô, tính chất của hệ thống và yêu cầu an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định.

Lớp tích hợp được thiết kế nhằm bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu và dịch vụ giữa các kênh giao tiếp (Web/Chat Support), các phân hệ nghiệp vụ, các dịch vụ lỗi và các hệ thống liên quan (SSO, hệ thống thi hành án, hệ thống bên thứ ba). Lớp tích hợp giúp hạn chế phụ thuộc chặt giữa các hệ thống thành phần, tăng khả năng mở rộng, bảo đảm vận hành ổn định, thống nhất trong toàn hệ thống. Giải pháp tích hợp phải bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ số/khung kiến trúc số tương ứng trong việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu và tổ chức triển khai các thành phần nền tảng.

Hệ thống được mô tả theo các luồng dữ liệu trọng yếu để phục vụ quản lý vận hành và nghiệm thu, bao gồm luồng truy cập người dùng, luồng xử lý nghiệp vụ – CSDL và các luồng tích hợp với hệ thống bên ngoài (KBNN/Nền tảng số THADS). Luồng truy cập được tổ chức theo hướng tập trung: người dùng truy cập qua giao diện trên Web, thực hiện xác thực tập trung và phân quyền theo vai trò; yêu cầu sau đó được chuyển tới lớp dịch vụ ứng dụng để xử lý nghiệp vụ, ghi/đọc dữ liệu tại CSDL nghiệp vụ và trả kết quả theo thời gian thực. Toàn bộ giao dịch phát sinh được ghi nhật ký truy vết (tác nhân thực hiện, thời điểm, thao tác, đối tượng dữ liệu, trạng thái xử lý) nhằm đáp ứng yêu cầu giám sát, kiểm tra và đối soát trong quá trình cung cấp dịch vụ.

Luồng 1 – Người dùng ↔ Ứng dụng ↔ CSDL (luồng nghiệp vụ nội bộ): Người dùng (kế toán, chấp hành viên, lãnh đạo) truy cập hệ thống qua Internet; hệ thống thực hiện xác thực, thiết lập phiên làm việc và áp dụng phân quyền

theo vai trò. Khi người dùng thực hiện thao tác nghiệp vụ (lập chứng từ, ghi sổ, tra cứu, tổng hợp báo cáo...), lớp ứng dụng tiếp nhận yêu cầu, thực hiện kiểm tra hợp lệ dữ liệu đầu vào, xử lý nghiệp vụ và cập nhật dữ liệu vào CSDL nghiệp vụ theo đúng ràng buộc toàn vẹn; kết quả được trả về giao diện và đồng thời sinh nhật ký hệ thống phục vụ truy vết và giám sát. Luồng này là luồng nền cho toàn bộ các phân hệ tiền mặt, tiền gửi, tài sản – tang vật và báo cáo theo phạm vi chức năng đã nêu tại phần nghiệp vụ.

Luồng 2 – Tích hợp KBNN (người dùng → ứng dụng → ký số → gửi/nhận trạng thái → lưu chứng từ): Đối với nghiệp vụ giao dịch Kho bạc điện tử, người dùng lập hồ sơ theo mẫu yêu cầu; hồ sơ được trình duyệt theo quy trình nội bộ và thực hiện ký số theo thẩm quyền (kế toán trưởng/thủ trưởng đơn vị). Sau khi ký số, hệ thống gửi hồ sơ sang kênh tiếp nhận của KBNN, theo dõi trạng thái tiếp nhận/xử lý và đồng bộ kết quả (chấp nhận/từ chối) về phần mềm; chứng từ đã phê duyệt được tải/lưu trữ trực tiếp trên hệ thống để phục vụ tra cứu, kiểm tra và đối chiếu. Trong toàn bộ chuỗi này, các điểm kiểm soát bắt buộc gồm: kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đính kèm, bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu trước/sau ký, ghi nhật ký đầy đủ các bước trình duyệt – ký số – gửi/nhận – tải về, và gắn mã giao dịch/định danh hồ sơ để phục vụ đối soát và nghiệm thu tích hợp.

Luồng 3 – Tích hợp nền tảng số THADS/nguồn dữ liệu ngành (quyết định, biên lai điện tử): Hệ thống thực hiện kết nối với nền tảng số THADS để tiếp nhận thông tin đầu vào (quyết định thi hành án, biên lai điện tử) và tạo dữ liệu nghiệp vụ phục vụ kế toán. Khi hệ thống nền tảng THADS/nguồn dữ liệu ngành sẵn sàng tiếp nhận, hệ thống thực hiện cung cấp dữ liệu đầu ra theo phạm vi được phân quyền (kết quả thu/chi, báo cáo liên quan) nhằm phục vụ tổng hợp, chỉ đạo điều hành. Các giao dịch tích hợp được quản lý theo nguyên tắc có định danh, có đối soát và có nhật ký truy vết hai chiều; trường hợp lỗi kết nối hoặc dữ liệu không hợp lệ phải được ghi nhận trạng thái để theo dõi, xử lý và báo cáo.

Nguyên tắc bảo mật/ký số/log áp dụng cho các luồng tích hợp: Các kênh truyền dữ liệu giữa người dùng – ứng dụng – hệ thống bên ngoài được bảo vệ theo nguyên tắc kết nối an toàn, kiểm soát truy cập theo vai trò và theo định danh dịch vụ; dữ liệu trao đổi phải có cơ chế kiểm tra toàn vẹn và kiểm soát chống chối bỏ đối với các nghiệp vụ yêu cầu ký số. Hệ thống phải ghi nhật ký tập trung cho các sự kiện truy cập, thao tác nghiệp vụ quan trọng, tác vụ tích hợp (gửi/nhận), sự kiện ký số và thay đổi cấu hình; nhật ký phải đủ thông tin để phục vụ truy vết, giám sát SLA và nghiệm thu chất lượng dịch vụ. Nội dung chi tiết về phạm vi tích hợp, đối tượng dữ liệu trao đổi và yêu cầu kết nối/liên thông

thực hiện theo nhóm yêu cầu đã nêu tại phần “Về liên thông, kết nối” và các yêu cầu kỹ thuật có liên quan của hồ sơ.

3.5 Yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ của phần mềm kế toán nghiệp vụ Thị hành án dân sự

3.5.1 Yêu cầu kỹ thuật

- Hệ thống phần mềm có khả năng hoạt động ổn định và tương thích tốt trên máy tính người sử dụng cài đặt hệ điều hành tối thiểu Windows 10 trở lên.

- Sử dụng giao diện Web, chạy tốt trên các trình duyệt phổ biến nhất hiện nay như IE (Microsoft Edge), Firefox, Google Chrome, Cốc Cốc và Safari.

- Giao diện màn hình và trợ giúp là ngôn ngữ tiếng Việt theo chuẩn TCVN 6909:2001 dựa trên bảng mã Unicode (ISO 10646), với trợ giúp các bộ gõ Unikey, Vietkey.

- Các chức năng phần mềm được xây dựng với một cơ chế thông báo lỗi thân thiện và rõ ràng. Thông báo lỗi phải được Việt hóa tối đa, giúp cho người sử dụng biết được lý do gây ra lỗi để tránh lặp lại các trường hợp tương tự. Hệ thống báo lỗi xác định rõ ràng đâu là lỗi do người sử dụng gây ra và đâu là lỗi do hệ thống phần mềm gây ra và chỉ ra hướng khắc phục. Với các lỗi do phần mềm/hệ thống gây ra, phải thông báo cho người dùng biết nguyên nhân và phương pháp xử lý. Có các biện pháp tự động phục hồi^a trong các trường hợp xác định. Tất cả các lỗi loại này phải được ghi lại thành log phục vụ cho mục đích bảo trì phần mềm, hệ thống.

3.5.2 Yêu cầu về giao diện

- Hệ thống sẽ cung cấp giao diện trực quan, thân thiện với người sử dụng và phù hợp đối với các nhóm người sử dụng khác nhau.

- Giao diện hỗ trợ nhập liệu bằng tiếng Việt Unicode theo đúng Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 quy định.

- Khả năng kiểm tra lỗi khi nhập liệu

- Báo cáo thể hiện bằng tiếng Việt, kết xuất được ra các phần mềm văn phòng

- Báo cáo được in ra bằng khổ giấy A4, A3...

^a “Tự động phục hồi” là các cơ chế kỹ thuật do nhà cung cấp dịch vụ triển khai và vận hành nhằm tự động khôi phục khả năng truy cập và hoạt động bình thường của hệ thống khi phát sinh sự cố phổ biến (ví dụ: dịch vụ ứng dụng bị treo, tiến trình bị dừng, lỗi kết nối tạm thời, quá tải cục bộ). Khi xảy ra các tình huống này, hệ thống sẽ tự động thực hiện các thao tác phục hồi như khởi động lại dịch vụ/phiên làm việc, chuyển đổi dự phòng (nếu có), cân bằng tải lại, hoặc khôi phục trạng thái vận hành theo cấu hình đã thiết lập; đơn vị sử dụng không phải thực hiện thao tác kỹ thuật để khắc phục. Trường hợp sự cố vượt quá khả năng tự động phục hồi (ví dụ: lỗi hạ tầng nghiêm trọng, lỗi dữ liệu, sự cố diện rộng), nhà cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận – xử lý theo quy trình hỗ trợ kỹ thuật/SLA, khôi phục hệ thống và thông báo kết quả xử lý cho đơn vị sử dụng. Toàn bộ sự kiện lỗi và hoạt động phục hồi (tự động hoặc do nhà cung cấp xử lý) đều phải được ghi nhận đầy đủ trong nhật ký hệ thống (log) phục vụ giám sát và bảo trì.

- Khi người dùng cần trợ giúp tức thời tại giao diện đang nhập liệu, phần mềm phải có sẵn hướng dẫn sử dụng đúng giao diện người dùng đang cần trợ giúp.

- Người sử dụng có thể tùy chỉnh giao diện phù hợp với nhu cầu sử dụng ở mức cao. Tuy nhiên, giao diện ứng dụng phải thân thiện với người sử dụng và dễ dùng. Hỗ trợ tối đa sử dụng các chức năng bằng bàn phím máy tính.

- Các màn hình nhập và cập nhật dữ liệu về cơ bản phải thống nhất về các thao tác trên bàn phím cũng như về màu sắc, fonts chữ.

- Các màn hình tra cứu điều kiện lọc báo cáo cũng phải thống nhất với nhau.

- Các biểu tượng và phím nóng phải được thống nhất trong toàn bộ chương trình.

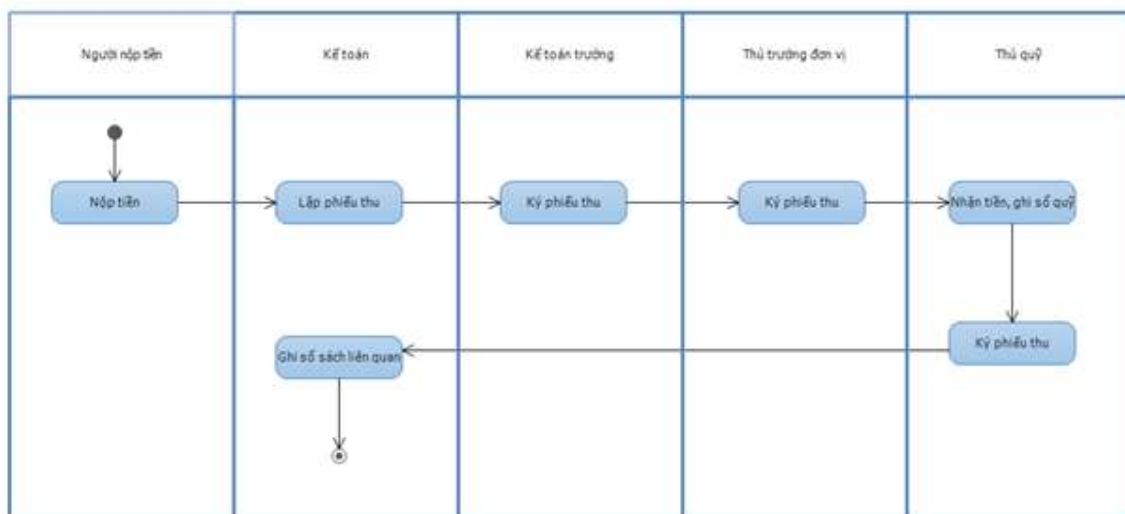
- Các giao diện thiết kế một cách đơn giản nhưng hiệu quả cao về thao tác, giảm thiểu việc mở quá nhiều tab, hiển thị và xử lý hình ảnh nhanh, màu sắc không gây cảm giác nhàm chán cho người sử dụng và theo một chuẩn giao diện thống nhất.

3.5.3 Yêu cầu về các quy trình nghiệp vụ

3.5.3.1. Kế toán tiền mặt

a) Thu tiền mặt

**Sơ đồ quy trình*



**Dữ liệu đầu vào quy trình:*

Khi phát sinh các khoản tiền thu được do người nộp tiền tiền nộp như tạm thu án phí, phí thi hành án...kế toán sẽ tập hợp các hồ sơ liên quan theo từng trường hợp và lập phiếu thu tiền

**Các bước xử lý quy trình:*

Bước 1: Kế toán căn cứ vào danh sách thu tiền, các chứng từ thu tiền mà người nộp tiền chuyển cho để ghi nhận các thông tin trên phiếu thu tiền mặt

Bước 2: Kế toán ghi chép nghiệp vụ thu tiền mặt vào sổ sách liên quan như sổ chi tiết tiền mặt, sổ chi tiết công nợ

**Đối tượng tham gia quy trình:* Người nộp tiền, Kế toán, Kế toán trưởng, Thủ trưởng đơn vị, Thủ quỹ

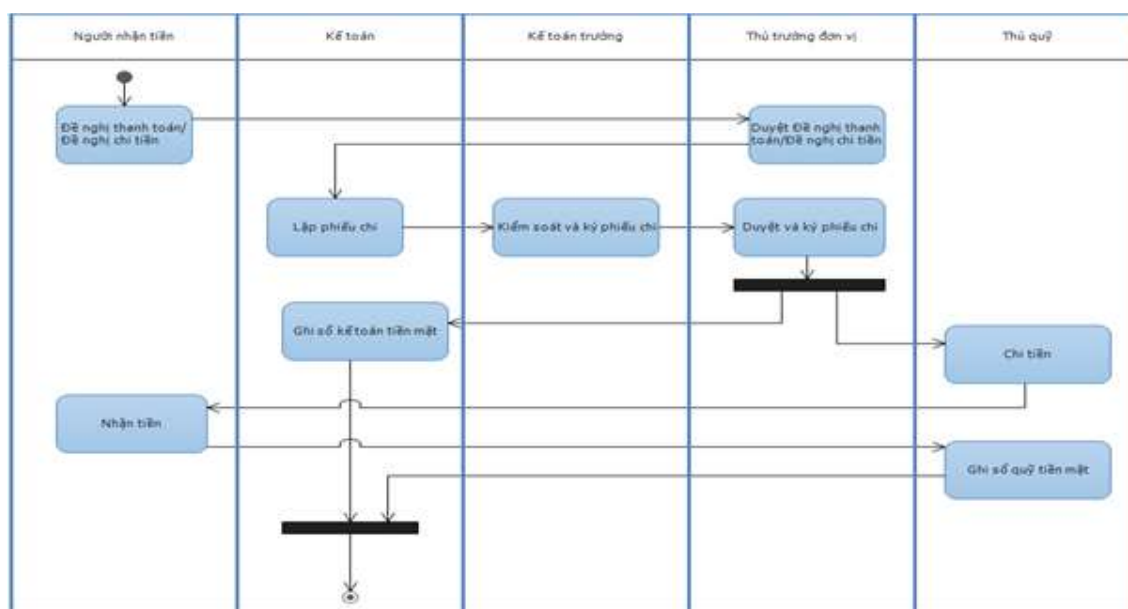
**Dữ liệu đầu ra quy trình:*

Danh sách chứng từ thu tiền, sổ chi tiết tiền mặt, sổ cái các TK liên quan

Danh sách mẫu biểu liên quan: Mẫu số C02-THADS:Phiếu thu theo thông tư 04/2023/TT-BTP

b) Kế toán chi tiền mặt

**Sơ đồ quy trình*



**Dữ liệu đầu vào của quy trình*

Khi có nhu cầu chi tiền mặt trong đơn vị như chi hoàn trả tạm ứng án phí, nộp Ngân sách Nhà nước...người yêu cầu lập đề nghị chi tiền, đề nghị thanh toán gửi cho Thủ trưởng đơn vị phê duyệt. Thủ trưởng đơn vị phê duyệt đề nghị chi tiền, đề nghị thanh toán và chuyển cho kế toán để thực hiện chi tiền

**Các bước xử lý quy trình:*

Bước 1: Kế toán tiền mặt căn cứ vào đề nghị chi tiền, đề nghị thanh toán đã duyệt lập phiếu chi rồi gửi Kế toán trưởng, Thủ trưởng đơn vị phê duyệt

Bước 2: Kế toán tiền mặt căn cứ vào phiếu chi đã đầy đủ chữ ký của Kế toán trưởng, Thủ trưởng đơn vị, thủ quỹ và người nhận tiền để ghi sổ kế toán tiền mặt, sổ kế toán công nợ và lưu trữ phiếu chi.

**Đối tượng tham gia quy trình:* Kế toán, Kế toán trưởng, Thủ trưởng đơn vị, Thủ quỹ, Người nhận tiền

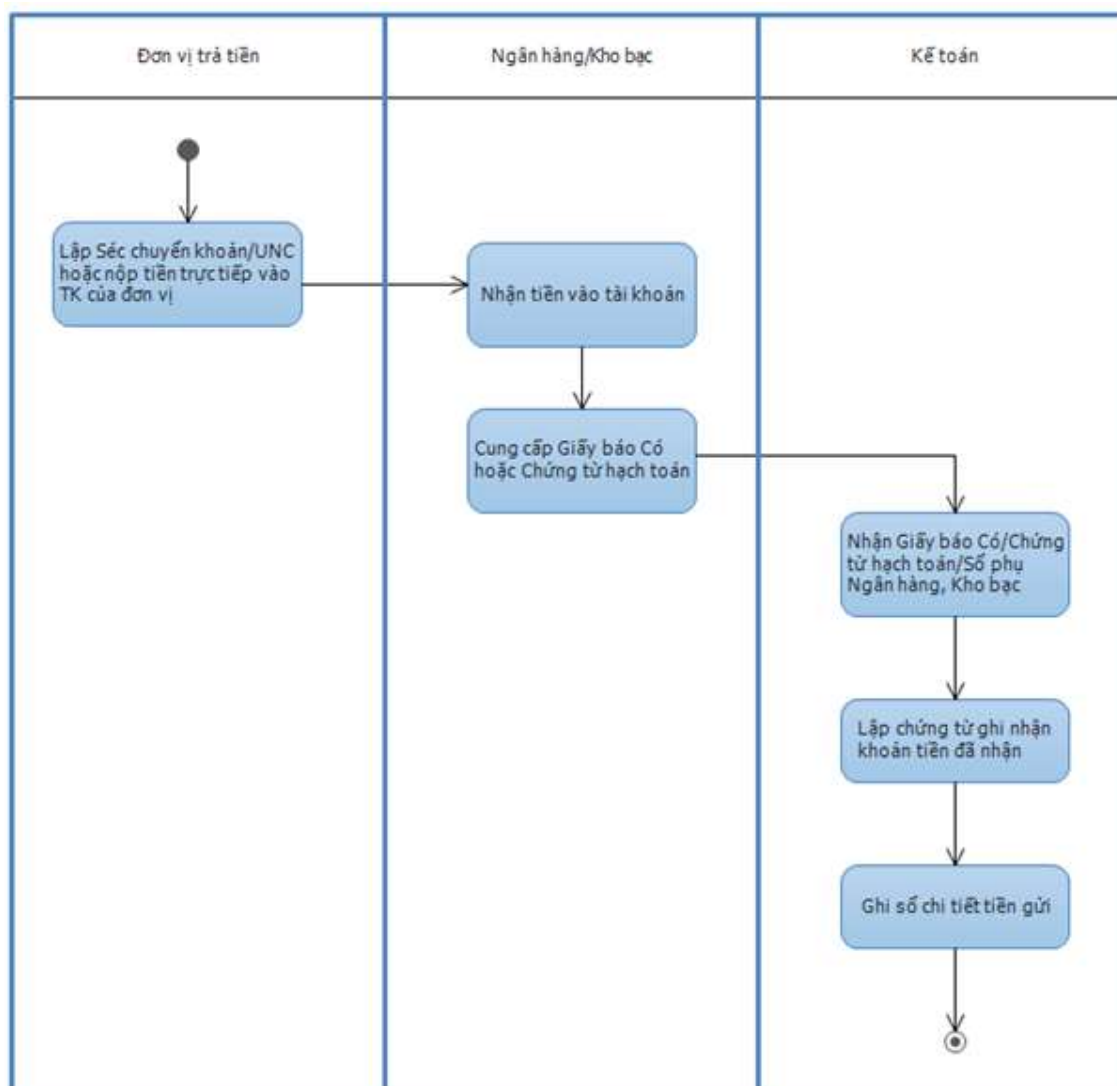
**Dữ liệu đầu ra quy trình:* Danh sách chứng từ chi tiền, sổ chi tiết tiền mặt, sổ cái các TK liên quan...

**Danh sách mẫu biểu liên quan:* Mẫu số C03-THADS:Phiếu chi theo thông tư 04/2023/TT-BTP.

3.5.3.2. Kế toán tiền gửi

a) Thu tiền gửi ngân hàng, kho bạc

**Sơ đồ quy trình*



**Dữ liệu đầu vào của quy trình*

Ngân hàng, kho bạc nơi đơn vị mở tài khoản căn cứ số tiền nhận được lập Giấy báo Có để xác nhận khoản tiền đã về tài khoản của đơn vị/cơ quan.

Hàng ngày kế toán thanh toán sẽ lấy bảng sao kê các giao dịch, giấy báo Nợ, giấy báo Có hoặc ngân hàng, kho bạc gửi trước file mềm cho đơn vị hoặc kế

toán tra cứu các nghiệp vụ phát sinh trực tiếp trên internet hoặc căn cứ vào biên lai điện tử thu tiền bằng hình thức chuyển khoản.

**Các bước xử lý quy trình*

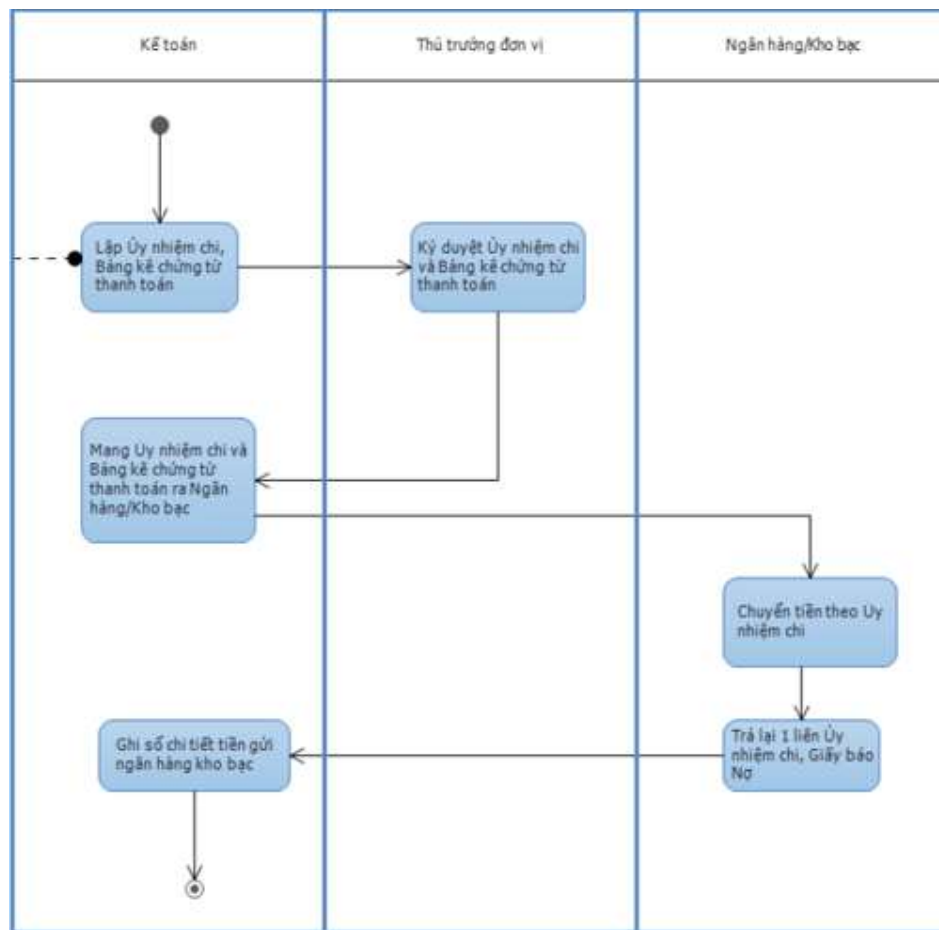
Căn cứ Giấy báo Có của ngân hàng, kho bạc nơi đơn vị mở tài khoản tiền gửi, biên lai thu tiền chuyển khoản kế toán lập chứng từ thu tiền gửi và ghi sổ chi tiết tài khoản tiền gửi.

**Đối tượng tham gia quy trình:* Kế toán, Đối tượng nộp tiền, Ngân hàng/Kho bạc.

**Dữ liệu đầu ra quy trình:* Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng, kho bạc, sổ chi tiết công nợ,...và sổ cái các tài khoản liên quan.

b) Chi tiền gửi ngân hàng, kho bạc

**Sơ đồ quy trình*



**Dữ liệu đầu vào của quy trình*

Thông thường, mỗi đơn vị có thể mở nhiều tài khoản ngân hàng ở các ngân hàng khác nhau để thuận tiện cho việc giao dịch hoặc mỗi tài khoản thực hiện công việc khác nhau hoặc mở nhiều tài khoản tại Kho bạc Nhà nước trực tiếp quản lý

** Các bước xử lý quy trình*

Bước 1: Khi có nhu cầu, Kế toán sẽ lập Ủy nhiệm chi/Lệnh chuyển tiền hoặc Séc chuyển khoản, sau đó chuyển cho Kế toán trưởng và Thủ trưởng đơn vị ký duyệt.

Bước 2: Căn cứ vào giấy báo Nợ/chứng từ hạch toán của Ngân hàng/Kho bạc, kế toán hạch toán và ghi sổ tiền gửi ngân hàng.

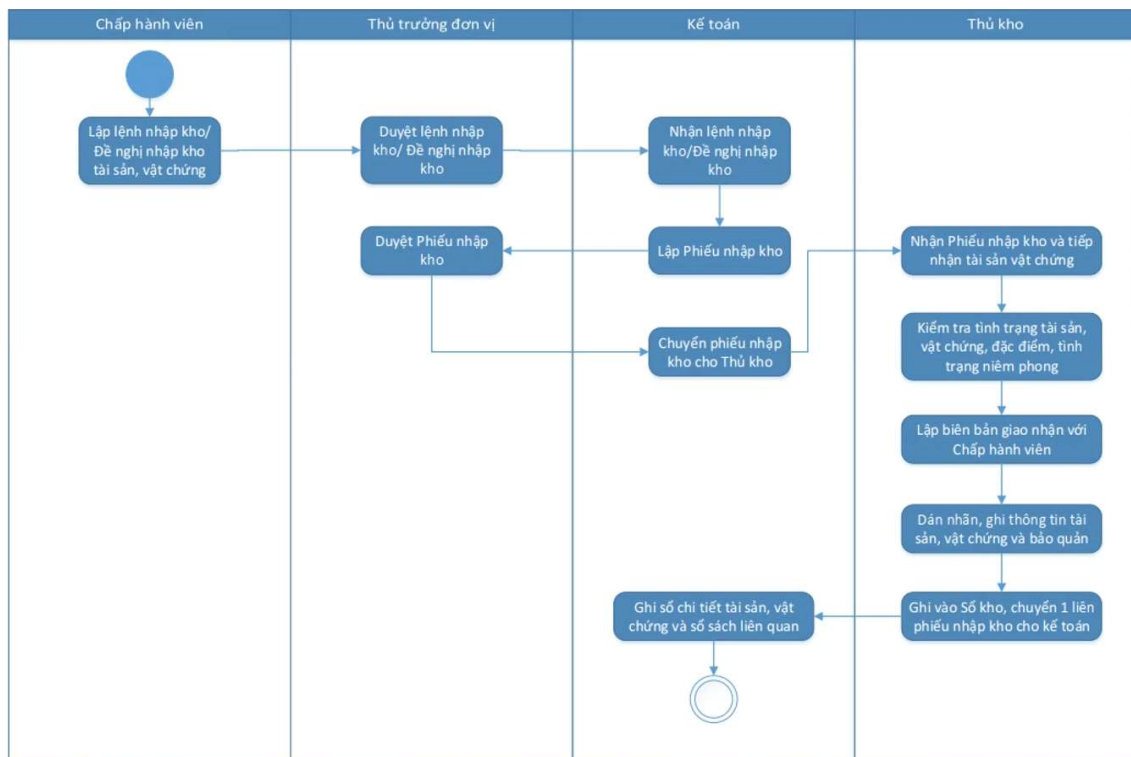
**Đối tượng tham gia quy trình:* Kế toán, Kế toán trưởng, Thủ trưởng đơn vị.

**Dữ liệu đầu ra quy trình:* Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng, kho bạc.

3.5.3.3. Kế toán tài sản, vật chứng

a) Nhập kho tài sản, vật chứng

**Sơ đồ quy trình*



**Dữ liệu đầu vào quy trình*

- Có tài sản hoặc vật chứng cần nhập kho, chấp hành viên lập lệnh nhập kho hoặc đề nghị nhập kho và trình lên thủ trưởng đơn vị.

- Thủ trưởng đơn vị kiểm tra và duyệt lệnh/đề nghị nhập kho của chấp hành viên

**Các bước xử lý quy trình*

- Kế toán kiểm tra đề nghị/ lệnh nhập kho lập phiếu nhập kho chuyển kế toán trưởng và thủ trưởng phê duyệt

- Thủ kho tiếp nhận phiếu nhập kho từ kế toán và nhận tài sản, vật chứng bàn giao. Kiểm tra tình trạng, đặc điểm, hiện trạng niêm phong của tài sản, vật chứng và thực hiện nhập kho, khi vào sổ kho.

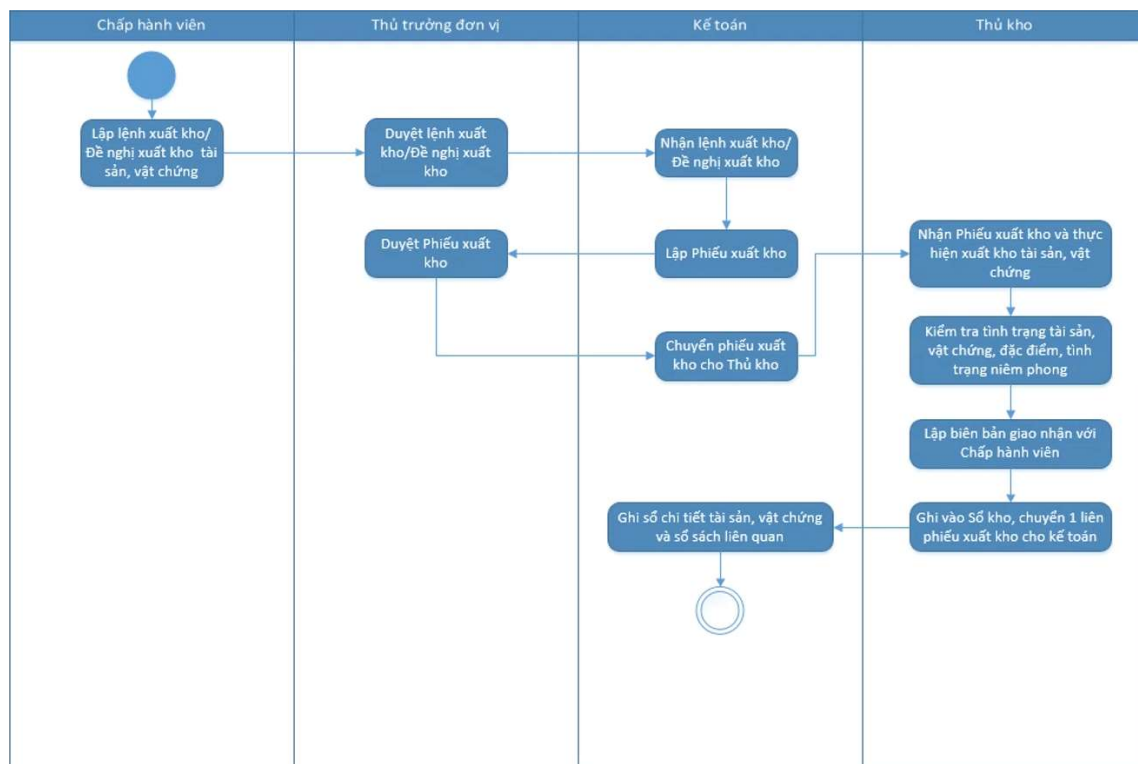
Căn cứ phiếu nhập kho và các chứng từ liên quan khác, kế toán hạch toán và vào sổ theo dõi tài sản vật chứng

**Đối tượng tham gia quy trình:* Kế toán, Chấp hành viên, Thủ trưởng đơn vị, Kế toán trưởng, Thủ kho.

**Dữ liệu đầu ra của quy trình:* Sổ theo dõi tài sản vật chứng.

b) Xuất kho tài sản, vật chứng

**Sơ đồ quy trình*



**Dữ liệu đầu vào quy trình*

- Khi có nhu cầu xuất tài sản, vật chứng, Chấp hành viên lập lệnh xuất kho hoặc đề nghị xuất kho

Thủ trưởng đơn vị xem xét đề nghị của Chấp hành viên, và thực hiện phê duyệt lệnh/đề nghị xuất kho

- Thủ trưởng đơn vị kiểm tra và duyệt lệnh/đề nghị nhập kho của chấp hành viên

**Các bước xử lý quy trình*

- Kế toán tiếp nhận đề nghị/ lệnh xuất kho lập phiếu xuất kho chuyển kế toán trưởng và thủ trưởng phê duyệt

- Thủ kho tiếp nhận phiếu xuất kho từ kế toán. Thủ kho kiểm tra tình trạng, đặc điểm, hiện trạng niêm phong của tài sản, vật chứng trước khi bàn giao và ghi vào Sổ kho .

Căn cứ phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan khác, kế toán hạch toán và vào sổ theo dõi tài sản vật chứng

**Đối tượng tham gia quy trình:* Kế toán, Chấp hành viên, Thủ trưởng đơn vị, Kế toán trưởng, Thủ kho

**Dữ liệu đầu ra của quy trình:* Sổ theo dõi tài sản vật chứng

3.5.4 . Yêu cầu chức năng phần mềm

Phần mềm Online phải đáp ứng toàn bộ các chức năng nghiệp vụ quan trọng mà phần mềm Desktop hiện tại đã triển khai thành công. Cụ thể, các chức năng này bao gồm:

Về quản lý tiền mặt:

- Đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ thu tiền, chi tiền mặt của đơn vị;
- Cho phép lập, duyệt, ký số và lưu trữ trên hệ thống Phiếu thu, phiếu chi và Sổ quỹ tiền mặt;
- Cảnh báo khi xuất quỹ quá số tiền tồn quỹ của Quyết định thi hành án hoặc yêu cầu thu khi xuất quỹ quá số tiền tồn quỹ của Quyết định thi hành án hoặc yêu cầu thu.

Về quản lý tiền gửi:

- Đáp ứng đầy đủ nghiệp vụ thu, chi, tại ngân hàng, kho bạc;
- Theo dõi tiền gửi theo từng loại quỹ tại từng tài khoản ngân hàng, Kho bạc;
- Đáp ứng lập, duyệt, ký số, lưu trữ Ủy nhiệm chi và Sổ tiền gửi ngân hàng, kho bạc, kết nối với ngân hàng, kho bạc nhà nước;
- Cảnh báo khi xuất quỹ quá số tiền hiện có trên tài khoản ngân hàng, kho bạc.

Về quản lý tài sản, vật chứng:

- Quản lý nhập, xuất, tồn theo từng quyết định, từng kho và tổng hợp tất cả các kho;
- Cho phép điều chuyển kho nội bộ;
- Đáp ứng kiểm kê tồn kho;
- Đáp ứng lập, duyệt, ký số, lưu trữ Phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho;
- Cảnh báo khi xuất quá số lượng tài sản, vật chứng;
- In được Sổ kho theo dõi tài sản, vật chứng; Thẻ kho, Biên bản kiểm kê,

...

Về báo cáo:

Đáp ứng đầy đủ mẫu Báo cáo tài chính, nghiệp vụ THADS theo Thông tư 78/2020/TT-BTC;

- Đáp ứng chứng từ, báo cáo của kế toán theo Thông tư 04/2023/TT-BTP;
- Cung cấp các mẫu biểu giao dịch, chứng từ kế toán, mẫu biểu đối chiếu kho bạc theo Nghị định 347/2025/NĐ-CP;
- Đầy đủ các Sổ sách kế toán tổng hợp, chi tiết theo các hình thức theo Thông tư 78/2020/TT-BTC;

- Đáp ứng các báo cáo quản trị, báo cáo về tình hình thi hành án theo Chấp hành viên, Khu vực giúp lãnh đạo dễ dàng nắm bắt.

Về liên thông, kết nối

- Phần mềm có chức năng liên thông kết nối với nền tảng số THADS để tiếp nhận các thông tin đầu vào: thông tin về quyết định thi hành án; thông tin về biên lai điện tử; cung cấp thông tin đầu ra về kết quả thu, chi tiền thi hành án khi hệ thống nền tảng số THADS sẵn sàng tiếp nhận.

- Có khả năng kết nối với hệ thống thông tin của KBNN hỗ trợ lập chứng từ giao dịch kho bạc nhà nước.

Về lưu trữ chứng từ, sổ kế toán trên môi trường số

- Có chức năng lưu trữ chứng từ, sổ kế toán trên môi trường số. Đảm bảo khả năng khai thác sử dụng theo yêu cầu.

Về tích hợp, đồng bộ dữ liệu kế toán từ các bộ sổ kế toán trên nền tảng Desktop lên trên nền tảng trực tuyến.

- Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm tích hợp, đồng bộ dữ liệu kế toán từ các bộ sổ kế toán trên nền tảng desktop lên nền tảng trực tuyến. Đảm bảo việc thực hiện các phần hành kế toán được thông suốt, không phải tra cứu lại các dữ liệu đã phát sinh, còn tồn đến đầu kỳ kế toán.

Các chức năng khác:

- Ký số trên các chứng từ.
- Kết nối, tiếp nhận thông tin biên lai điện tử từ nhà cung cấp và hỗ trợ hạch toán.
- Phân quyền không giới hạn người dùng.
- Cảnh báo khi hạch toán thiếu thông tin chi tiết; hạch toán giảm các khoản phải thu, phải trả vượt quá số tạm thu, số phải trả,...
- Gửi hồ sơ cho Kho bạc Nhà Nước trực tiếp qua Kho bạc điện tử.

- Xem được các cáo thi hành án chi tiết theo từng khu vực, từng chấp hành viên để theo dõi kết quả thi hành án theo từng khu vực và từng chấp hành viên.

Yêu cầu về cải tiến bổ sung các tính năng mới

Mặc dù kế thừa toàn bộ chức năng của phần mềm Desktop, phần mềm online cần phải đáp ứng các tính năng mới nhằm khắc phục các hạn chế của bản Desktop và đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai. Các tính năng này bao gồm:

- Đồng bộ hóa dữ liệu theo thời gian thực: Một trong những yêu cầu quan trọng đối với phần mềm online là khả năng đồng bộ hóa dữ liệu theo thời gian thực giữa các đơn vị, các phòng thi hành án khu vực và các THADS tỉnh/thành phố. Điều này sẽ giúp loại bỏ tình trạng thiếu đồng bộ, gây chậm trễ trong công tác và đảm bảo tính chính xác và hiệu quả trong việc ra quyết định.

- Khả năng truy cập từ xa và linh hoạt: Phần mềm online phải cho phép người dùng truy cập và làm việc từ mọi nơi, mọi lúc, miễn là có kết nối Internet. Điều này không chỉ nâng cao hiệu suất công việc mà còn tạo sự linh hoạt trong việc quản lý và xử lý nghiệp vụ thi hành án, đặc biệt là trong các tình huống cần sự phối hợp giữa các đơn vị ở các địa phương khác nhau.

- Tính bảo mật cao và tự động cập nhật: Phần mềm online phải có khả năng tự động cập nhật phiên bản mới để đảm bảo phần mềm luôn được bảo mật và cung cấp các tính năng mới nhất. Các dữ liệu cần phải được bảo vệ nghiêm ngặt và tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin, đảm bảo an toàn trong quá trình lưu trữ và xử lý thông tin.

- Tính năng mở rộng và tích hợp công nghệ mới: Phần mềm Online cần hỗ trợ tích hợp các tính năng hiện đại như lưu trữ đám mây, giúp tối ưu hóa quy trình làm việc và nâng cao khả năng phân tích dữ liệu. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian mà còn đảm bảo hiệu quả trong công tác thi hành án, đồng thời đáp ứng được nhu cầu mở rộng và phát triển trong tương lai.

*** Chi tiết yêu cầu các chức năng đối với hệ thống phần mềm kế toán nghiệp vụ THADS.**

TT	Mô tả chức năng	Yêu cầu
A	Yêu cầu chung	
1	Đáp ứng các quy định tại Thông tư số 78/2020/TT-BTC ngày 14/08/2020 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán nghiệp vụ THADS	Yêu cầu bắt buộc
2	Đáp ứng các mẫu biểu chứng từ, báo cáo kế toán theo Thông tư 04/2023/TT-BTP ngày 14/08/2023 về hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ	Yêu cầu bắt buộc

	trong THADS	
3	Đáp ứng một số hướng dẫn thủ tục giao dịch, kết nối với Kho bạc Nhà nước như Nghị định 347/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 về hướng dẫn quy định thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc Nhà nước, Quyết định 935/QĐ-KBNN về ban hành quy định chuẩn kết nối và tích hợp phần mềm ứng dụng của cơ quan, tổ chức vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước	Yêu cầu bắt buộc
4	Phần mềm kế toán nghiệp vụ THADS quản lý được hành động của người sử dụng	Yêu cầu bắt buộc
-	Bảo đảm khả năng xác thực người dùng được đăng nhập vào hệ thống	
-	Bảo đảm khả năng phân quyền cho người dùng	
-	Có khả năng lưu vết tất cả các thao tác của người dùng trên phần mềm.	
5	Phần mềm kế toán nghiệp vụ THADS quản lý toàn bộ danh sách các nội dung cần theo dõi trong quá trình thực hiện nghiệp vụ kế toán	Yêu cầu bắt buộc
-	Quản lý thông tin về Quyết định thi hành án, yêu cầu thu trong quá trình thực hiện như: Số Quyết định thi hành án, Số bản án, Đối tượng phải thi hành án, Đối tượng được thi hành án, Chấp hành viên, Đối tượng khác, Tài sản, vật chứng, Kho	
-	Phần mềm mang đi danh mục hệ thống tài khoản kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 78/2020/TT-BTC, thiết lập được tài khoản hạch toán ngầm định cho từng chứng từ kế toán, thiết lập được hạch toán chi tiết tài khoản ngân hàng, kho bạc; Quyết định thi hành án; đối tượng; tài sản, vật chứng; loại tiền	
6	Phần mềm kế toán nghiệp vụ THADS đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 78/2020/TT-BTC	Yêu cầu bắt buộc
-	Nghiệp vụ kế toán tiền mặt bao gồm lập chứng từ phiếu thu, phiếu chi tiền mặt, in các chứng từ kế toán thu, chi tiền mặt và sổ theo dõi tiền mặt	
-	Nghiệp vụ kế toán tiền gửi bao gồm lập chứng từ thu tiền gửi, chi tiền gửi và in các mẫu biểu chứng từ thu, chi tiền gửi và sổ theo dõi chi tiết tiền gửi theo từng ngân hàng, kho bạc. Xuất chứng từ ủy nhiệm chi để nhập khẩu vào trang DVC Kho bạc Nhà nước	

-	Nghiệp vụ quản lý tài sản, vật chứng như nhập kho, xuất kho, chuyển kho, kiểm kê tài sản, vật chứng; in các mẫu biểu chứng từ nhập kho, xuất kho, kiểm kê và in các sổ sách báo cáo theo dõi tài sản, vật chứng	
-	Nghiệp vụ kết chuyển theo quyết định thi hành án như kết chuyển số tạm thu sang phải trả cho đương sự, số tạm thu sang phải nộp ngân sách nhà nước...in chứng từ kết chuyển, và báo cáo kế toán nghiệp vụ theo Thông tư 78/2020/TT-BTC và Thông tư 04/2023/TT-BTP	
-	Nghiệp vụ tạm giữ tài sản, vật chứng và in phiếu xác định giá trị tiền, tài sản	
-	Đáp ứng một số nghiệp vụ khác của cơ quan thi hành án như tạm ứng và thanh toán tạm ứng cho chấp hành viên, phân phối tiền phí thi hành án thu được theo quy định, phải thu, phải trả cho các đối tượng khác...	
7	Phần mềm kế toán nghiệp vụ đáp ứng in các mẫu biểu sổ sách, báo cáo kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 78/2020/TT-BTC và Thông tư 04/2023/TT-BTP	Yêu cầu bắt buộc
8	Phần mềm đáp ứng nghiệp vụ tổng hợp báo cáo kế toán nghiệp vụ thi hành án toàn ngành theo Thông tư 78/2020/TT-BTC và Thông tư 04/2023/TT-BTP	Yêu cầu bắt buộc
9	Phần mềm nghiệp vụ kế toán THADS có chức năng hướng dẫn sử dụng chi tiết cho từng từng chức năng sử dụng	Yêu cầu bắt buộc
10	Phần mềm nghiệp vụ kế toán THADS đáp ứng một số chức năng mở rộng	Yêu cầu bắt buộc
-	Chuyển đổi toàn bộ dữ liệu theo thông tư 78/2020/TT-BTC trên phiên bản MISA Panda.NET 2021 lên phần mềm kế toán nghiệp vụ THADS online	
-	Phần mềm kết nối trực tiếp với trang DVC KBNN để gửi hồ sơ giao dịch với kho bạc	
-	Phần mềm kết nối, tiếp nhận thông tin biên lai điện tử, hỗ trợ người dùng công tác hạch toán	
-	Phân quyền không giới hạn người dùng	
-	Phần mềm có chức năng ký số trên chứng từ	
B	Yêu cầu chi tiết chức năng phần mềm	
I	Quản lý hành động của người sử dụng	
1	Đăng nhập hệ thống: Người dùng có thể đăng nhập vào hệ thống để thực hiện các nghiệp vụ theo phạm vi được phân công theo phân quyền tài khoản, cho phép xác thực qua OTP	Yêu cầu bắt buộc

2	Đăng xuất: Chức năng cho phép người sử dụng thoát khỏi hệ thống khi đã đăng nhập trước đó	
3	Quản lý phân quyền người dùng:	Yêu cầu bắt buộc
	- Thực hiện phân quyền người dùng theo từng khu vực, theo từng phần hành kế toán, phân quyền thiết lập hệ thống dữ liệu.	
	- Không cho phép thêm, sửa, xóa danh mục, chứng từ, xem báo cáo, thiết lập ở các khu vực, phần hành, chức năng không được phân quyền	
	- Cho phép phân quyền không giới hạn người dùng	
4	Hệ thống lưu vết thao tác của người dùng thao tác: Xem được nhật ký truy cập của tất cả các thao tác được thực hiện trên phần mềm (đăng nhập, thêm, sửa, xóa)	Yêu cầu bắt buộc
	- Tìm kiếm nhật ký theo khoảng thời gian, theo chức năng, màn hình	
II	Quản lý toàn bộ danh sách các nội dung cần theo dõi trong quá trình thực hiện nghiệp vụ kế toán	
1	Danh sách Quyết định thi hành án	Yêu cầu bắt buộc
	- Cho phép thêm, sửa, xóa, theo dõi/ngừng theo dõi quyết định thi hành án	
	- Theo dõi đầy đủ thông tin của quyết định thi hành án như Số QĐ, ngày QĐ, loại QĐ, Số bản án, Chấp hành viên, đối tượng phải thi hành án, đối tượng đượ thi hành án, đối tượng khác	
2	Danh sách Chấp hành viên	Yêu cầu bắt buộc
	- Cho phép thêm, sửa, xóa, theo dõi/ngừng theo dõi danh sách Chấp hành viên	
3	Danh sách Đối tượng phải thi hành án	Yêu cầu bắt buộc
	- Cho phép thêm, sửa, xóa, theo dõi/ngừng theo dõi danh sách Đối tượng phải thi hành án	
4	Danh sách Đối tượng được thi hành án	Yêu cầu bắt buộc
	- Cho phép thêm, sửa, xóa, theo dõi/ngừng theo dõi danh sách Đối tượng được thi hành án	
5	Danh sách Đối tượng khác	Yêu cầu bắt buộc

	- Cho phép thêm, sửa, xóa, theo dõi/ngừng theo dõi danh sách Đối tượng khác	
	Danh sách Hệ thống tài khoản	Yêu cầu bắt buộc
6	- Phần mềm mặc định đầy đủ danh mục hệ thống tài khoản theo hướng dẫn của Thông tư 78/2020/TT-BTC.	
	- Cho phép thêm, sửa, xóa các tài khoản kế toán chi tiết	
	- Cho phép thiết lập tài khoản hạch toán chi tiết theo nhiều thông tin như Quyết định Thi hành án, Đối tượng, Tài khoản ngân hàng, kho bạc, Tài sản, vật chứng, loại tiền	
	- Phần mềm thiết lập ngầm định tài khoản hạch toán kế toán cho từng loại chứng từ	
III	Đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 78/2020/TT-BTC	
	Đáp ứng nghiệp vụ tiền mặt	Yêu cầu bắt buộc
1	- Thêm, Sửa, Xóa Phiếu thu tiền mặt	
	- Quản lý danh sách Phiếu thu tiền mặt	
	- Thêm, Sửa, Xóa Phiếu chi tiền mặt	
	- Quản lý danh sách Phiếu chi tiền mặt	
	- In mẫu biểu chứng từ:	
	+ C02-THADS: Phiếu thu	
	+ C03-THADS: Phiếu chi	
	+ C13-THADS: Bảng kê các khoản tiền nộp ngân sách Nhà nước,	
	+ C14-THADS: Bảng kê các khoản tiền mặt nhập quỹ,	
	+ C15-THADS: Bảng kê các khoản tiền mặt xuất quỹ	
	- In báo cáo tiền mặt	
	+ Sổ S04-THA: Sổ quỹ tiền mặt	
	+ Sổ S06-THA: Sổ theo dõi tiền mặt, tiền gửi ngoại tệ	
	- Cảnh báo khi xuất quỹ tiền mặt quá số tiền tồn quỹ, quá số tiền đã tạm thu, quá số tiền phân phối theo Quyết định thi hành án	
	Đáp ứng nghiệp vụ tiền gửi	Yêu cầu bắt buộc
2	- Thêm, Sửa, Xóa chứng từ Nộp tiền vào tài khoản	
	- Quản lý đánh ách chứng từ nộp tiền vào tài khoản	
	- Thêm, Sửa, Xóa chứng từ Phát hành Séc	

	- Quản lý danh sách chứng từ Phát hành Séc	
	- In các mẫu chứng từ	
	+ C4-02a/KB: Ủy nhiệm chi,	
	+ C4-02c/KB: Ủy nhiệm chi (Nộp thuế)	
	+ C01-THA: Giấy xử lý tiền tạm giữ của cơ quan thi hành án	
	+ C13-THADS: Bảng kê các khoản tiền nộp ngân sách Nhà nước	
	- In sổ sách báo cáo	
	+ S05-THA: Sổ tiền gửi ngân hàng, Kho bạc,	
	+ S06-THA: Sổ theo dõi tiền mặt, tiền gửi bằng ngoại tệ	
	+ Mẫu số 32: Bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà Nước theo Nghị định 347/2025/NĐ-CP	
	- Cảnh báo khi chi tiền gửi ngân hàng, kho bạc vượt quá số lượng tồn trên tài khoản ngân hàng, kho bạc, quá số tiền đã tạm thu, quá số tiền phân phối theo Quyết định thi hành án	
	- Có chức năng xuất khẩu mẫu Ủy nhiệm chi ra theo cấu trúc xml quy định để nhập khẩu vào trang DVC của Kho bạc Nhà nước	
	Đáp ứng nghiệp vụ quản lý tài sản, vật chứng	Yêu cầu bắt buộc
	- Thêm, sửa, Xóa phiếu nhập kho tài sản, tang vật	
	- Quản lý danh sách Phiếu nhập kho	
3	- Thêm, Sửa, Xóa chứng từ xuất kho tài sản, tang vật	
	- Quản lý danh sách Phiếu xuất kho	
	- Thêm Sửa, Xóa chứng từ chuyển kho tài sản, tang vật	
	- Quản lý danh sách chứng từ Chuyển kho tài sản, tang vật	
	- Thêm, Sửa, Xóa chứng từ kiểm kê tài sản, tang vật	
	- Quản lý danh sách chứng từ kiểm kê tài sản, tang vật	
	- In mẫu chứng từ:	
	+ C04-THADS: Phiếu nhập kho,	
	+ C10-THADS: Bảng kê mua hàng,	
	+ C01-THADS: Phiếu xác định giá trị hạch toán vật chứng, tài sản	
	+ C05-THADS: Phiếu xuất kho	
	+ C26-THAD: Biên bản kiểm kê vật chứng, tài sản theo thông tư	
	- In sổ sách báo cáo	
	+ D67-THADS: Thẻ kho theo dõi vật chứng	
	+ S07-THA: Sổ kho theo dõi tài sản, vật chứng	

	+ S08-THA: Sổ chi tiết từ rời theo dõi tài sản, vật chứng	
	- Cảnh báo khi xuất kho tài sản tang vật quá số lượng tồn trên kho theo Quyết định thi hành án hoặc yêu đề nghị nhập kho	
	Đáp ứng các nghiệp vụ khác	Yêu cầu bắt buộc
	- Thêm, Sửa, Xóa chứng từ Phiếu kết chuyển tài sản	
	- Quản lý danh sách chứng từ Phiếu kết chuyển tài khoản	
	- Thêm, Sửa, Xóa chứng từ Nghiệp vụ khác	
	- Quản lý danh sách chứng từ nghiệp vụ khác	
	- Thêm, Sửa, Xóa chứng từ Phiếu xác định, giá trị tài sản tang vật	
	- Quản lý danh sách chứng từ Phiếu xác định, giá trị tài sản tang vật	
	- In mẫu chứng từ:	
	+ C01-THADS: Phiếu xác định giá trị hạch toán vật chứng, tài sản;	
	+ C07-THADS: Giấy thanh toán tạm ứng	
	+ C27-THADS: Chứng từ kết chuyển	
IV	Đáp ứng in các mẫu biểu sổ sách, báo cáo kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 78/2020/TT-BTC và thông tư 04/2023/TT-BTP	
	In báo cáo, sổ sách theo thông tư 78/2020/TT-BTC	Yêu cầu bắt buộc
	- B01/BCTC-THA: Báo cáo tài chính	
	- B01-THA: Báo cáo kết quả thi hành án bằng tiền, tài sản	
	- B02-THA: Báo cáo tổng hợp kết quả thi hành án bằng tiền, tài sản	
	- B03-THA: Thuyết minh báo cáo kết quả thi hành án bằng tiền, tài sản	
	- B04-THA: Báo cáo tài sản, vật chứng thu chưa xử lý	
	- B05-THA: Báo cáo phân tích số dư tài khoản	
	- B06-THA: Báo cáo đối chiếu kết quả thi hành án bằng tiền, tài sản	
	- B07-THA: Báo cáo chi tiết kết quả thi hành án bằng tiền, tài sản	
	- S01-THA: Sổ nhật ký chung	
	- S02-THA: Sổ cái	
	- S09-THA: Sổ chi tiết tài khoản	
	- S03-THA: Bảng cân đối phát sinh	

	In báo cáo thông tư 04/2023/TT-BTP gồm:	Yêu cầu bắt buộc
2	- Mẫu số B05: Báo cáo tổng hợp tình hình thu nộp phí thi hành án	
	- Mẫu số B04a: Báo cáo tổng hợp tình hình sử dụng kinh phí tạm ứng cường chế thi hành án	
	- Mẫu số B04: Báo cáo tổng hợp tình hình sử dụng kinh phí tạm ứng cường chế thi hành án	
3	Báo cáo khác	
	- S05: Sổ chi tiết tờ rời	
	- S08: Sổ theo dõi chi tiết theo vụ việc	
	- Chi tiết công nợ phải trả	
	- Chi tiết công nợ phải thu	
V	Tổng hợp báo cáo toàn ngành	
1	Tại hệ thống của cơ quan thi hành án tỉnh	Yêu cầu bắt buộc
	- Vào chức năng lập báo cáo để nộp lên Cục THADS	
	- Vào chức năng xem báo cáo đã lập trước khi nộp	
	- Vào chức năng Nộp báo cáo thực hiện nộp báo cáo đã lập lên cục THADS	
	- Danh sách báo cáo nộp lên gồm:	
	+ B01-THA: Báo cáo kết quả thi hành án bằng tiền, tài sản	
	+ B01/BCTC-THA: Báo cáo tài chính	
	+ S03-THA: Bảng cân đối phát sinh	
	+ Mẫu số B05: Báo cáo tổng hợp tình hình thu nộp phí thi hành án	
2	+ Mẫu số B04a: Báo cáo tổng hợp tình hình sử dụng kinh phí tạm ứng cường chế thi hành án	
	Tại hệ thống Cục THADS	Yêu cầu bắt buộc
	- Vào chức năng xem danh sách đơn vị chưa nộp báo cáo, đã nộp báo cáo để theo dõi tình hình nộp báo cáo của các đơn vị	
	- Vào danh sách đơn vị đã nộp báo cáo, chọn đơn vị và mở báo cáo từng đơn vị để kiểm tra	
	- Vào chức năng Từ chối để gửi trả lại báo cáo cho đơn vị nộp báo cáo	
	- Vào chức năng Nhận báo cáo để đồng ý nhận báo cáo của đơn vị nộp báo cáo	

	- Vào chức năng Tổng hợp báo cáo để thực hiện tổng hợp báo cáo từ báo cáo của tất cả các đơn vị	
	- Vào danh sách báo cáo tổng hợp để kiểm tra báo cáo tổng hợp hoàn thành	
	- Danh sách báo cáo tổng hợp gồm:	
	- B02-THA: Báo cáo tổng hợp kết quả thi hành án bằng tiền, tài sản	
	- B01/BCTC-THA: Báo cáo tài chính	
	- S03-THA: Bảng cân đối phát sinh	
	- Mẫu số B05: Báo cáo tổng hợp tình hình thu nộp phí thi hành án	
	- Mẫu số B04: Báo cáo tổng hợp tình hình sử dụng kinh phí tạm ứng cưỡng chế thi hành án	
VI	Chức năng Trợ giúp	
	Tại mỗi màn hình danh mục, chứng từ trên phần mềm có chức năng Trợ giúp mở ra website hướng dẫn sử dụng của phần mềm	Yêu cầu bắt buộc
VII	Chức năng mở rộng	
	Phần mềm kế toán nghiệp vụ THADS Online có tính năng thực hiện chuyển đổi toàn bộ dữ liệu kế toán theo Thông tư 78/2020/TT-BTC từ phần mềm MISA Panda.NET 2021 sang hệ thống mới. Các thông tin thực hiện chuyển đổi gồm:	Yêu cầu bắt buộc
1	- Toàn bộ danh mục: Hệ thống tài khoản, Quyết định thi hành án, Đối tượng phải thi hành án, Đối tượng được thi hành án, Chấp hành viên, Kho, Tài sản, tang vật, Tài khoản ngân hàng, Bản án, Mã thống kê và một số danh mục khác	
	- Toàn bộ số dư ban đầu: Số dư theo Quyết định và đối tượng, Số dư theo Đối tượng, Số dư theo tài sản, vật chứng, Số dư theo tài khoản ngân hàng, kho bạc, Số dư các tài khoản khác	
	- Toàn bộ các loại chứng từ phát sinh: Phiếu thu, Phiếu chi, Nộp tiền vào tài khoản, Phát hành Séc, Nhập kho, Xuất kho, Chuyển kho, Kiểm kê, Phiếu kết chuyển tài khoản, Chứng từ nghiệp vụ khác, Phiếu xác định giá trị tiền, tài sản	
	Kết nối trực tiếp trang DVC của Kho bạc Nhà nước	Yêu cầu bắt buộc
2	- Lập hồ sơ mẫu C4-02a/KB: Ủy nhiệm chi, C4-02C/KB: Ủy nhiệm chi theo Nghị định 347/2025/NĐ-CP, đính kèm tài liệu định dạng PDF.	

	- Kế toán trưởng duyệt hoặc từ chối hồ sơ trên hệ thống phần mềm kế toán nghiệp vụ thi hành dân sự. Kế toán trưởng ký số bằng USB token.	
	- Thủ trưởng đơn vị duyệt hồ sơ qua hệ thống duyệt hồ sơ trực tuyến của MISA, ký số bằng USB token hoặc chữ ký số từ xa.	
	- Theo dõi tình trạng tiếp nhận, kết quả duyệt hồ sơ của KBNN quản lý trực tiếp trên hệ thống phần mềm	
	- Tải file chứng từ đã được phê duyệt trực tiếp trên phần mềm	
3	Phần mềm kết nối, tiếp nhận thông tin, hỗ trợ người dùng công tác hoạch toán từ hệ thống nền tảng THADS	Yêu cầu bắt buộc
-	- Phần mềm lấy danh sách biên lai điện tử tự động hạch toán các chứng từ kế toán như Phiếu thu, Nộp tiền vào tài khoản, Chứng từ nghiệp vụ khác	
-	- Phần mềm lấy thông tin một số thông tin phát sinh trên Biên lai điện tử như số Quyết định Thi hành án, ngày Quyết định, Đối tượng nộp tiền để lưu vào hệ thống phần mềm kế toán nghiệp vụ.	
	Phần mềm có chức năng ký số trên chứng từ kế toán	Yêu cầu bắt buộc
	- Thực hiện thiết lập chữ ký số bằng USB token	
4	- Có chức năng gửi yêu cầu ký số đến người ký và người phê duyệt	
	- Người được gửi yêu cầu ký và phê duyệt có chức năng ký số, chọn USB Token đã thiết lập và thực hiện ký.	
	- Thông tin ký số của người ký được lưu trên chứng từ đã ký, cho phép tải file chứng từ đã ký ra định dạng PDF	

3.5.5 Yêu cầu phi chức năng

3.5.5.1. Yêu cầu đáp ứng đối với cơ sở dữ liệu

- Hệ thống CSDL sẽ cung cấp khả năng lưu trữ dự phòng (mirror storage) đủ lớn để lưu trữ các bộ dữ liệu giống nhau trong trường hợp phục hồi không thành công.

- Hệ thống chỉ cho phép người dùng đã qua xác thực được truy cập. Hệ thống sẽ cho phép tối thiểu ba loại người dùng được xác thực như, người dùng nghiệp vụ, người dùng hệ thống nội bộ, và quản trị hệ thống.

- Hệ thống sẽ thực thi các khái niệm về phiên của người sử dụng, đặc biệt là với đối tượng người dùng nghiệp vụ, trong đó các thông tin về hoạt động của người sử dụng từ lúc đăng nhập đến khi đăng xuất (tức là các phiên làm việc) được lưu lại trong cơ sở dữ liệu.

- Hệ quản trị CSDL cho phép giám sát hoạt động lâu dài, sử dụng giao diện công cụ GUI để dễ dàng thao tác.

- Hệ quản trị CSDL cung cấp các tính năng để hạn chế các cán bộ quản trị cơ sở dữ liệu hoặc những người sử dụng có đặc quyền khác truy cập vào dữ liệu ứng dụng nghiệp vụ hoặc thực hiện những thay đổi không được phép.

- Hệ quản trị CSDL hỗ trợ cơ chế truy vấn trở lại để dễ dàng sửa lỗi người sử dụng, hỗ trợ cho mức độ truy vấn song song tự động, cung cấp tính năng ghi nhật ký

- Hệ quản trị CSDL cung cấp các công cụ tự động mở rộng để lưu trữ dữ liệu định kỳ, cung cấp các công cụ tự động để định kỳ “làm sạch” dữ liệu nhằm đảm bảo sự nhất quán và toàn vẹn dữ liệu. Các công cụ phải lưu trữ các dữ liệu quá khứ để rollback nếu cần.

3.5.5.2. Yêu cầu cần đáp ứng về thời gian xử lý, hiệu năng, độ phức tạp xử lý của các chức năng phần mềm

- Thời gian xử lý cần đảm bảo ở tốc độ cao, thời gian cho mỗi thao tác xử lý dữ liệu không quá 3s và đảm bảo người dùng không có cảm giác về độ trễ của chương trình. Khi chương trình có độ trễ quá 10s cho tác vụ, hệ thống cần có công cụ hiển thị lời thông báo hoặc biểu tượng hiển thị cho người dùng nhận biết được rằng hệ thống vẫn đang hoạt động (thời gian phản hồi được tính từ khi người sử dụng gửi yêu cầu đáp ứng tới hệ thống cho đến khi nhận được dữ liệu phản hồi từ hệ thống).

- Độ phức tạp xử lý của các chức năng phần mềm cần đảm bảo các chức năng thỏa mãn yêu cầu nghiệp vụ của người dùng hệ thống và đảm bảo tính logic về nghiệp vụ giữa các chức năng.

- Hiệu năng đáp ứng của dịch vụ: Nền tảng phải đáp ứng các cầu về hiệu năng xử lý theo số lượng người dùng của toàn Ngành THADS.

- Hệ thống đáp ứng về việc truy cập và xử lý dữ liệu của tối thiểu 2.000 người dùng, trong đó cao điểm 500 người dùng đồng thời của Ngành THADS.

- Cung cấp dung lượng lưu trữ tối thiểu 10 Terabyte (TB) trong 03 năm, đồng thời hỗ trợ mở rộng dung lượng theo nhu cầu tăng trưởng.

- Khả năng mở rộng của dịch vụ: Nhà cung cấp phải đảm bảo về an toàn thông tin, bảo mật, có cơ chế dự phòng/backup và triển khai ứng dụng theo mô

hình hiện đại có thể mở rộng hệ thống cả về ứng dụng và cơ sở dữ liệu theo thực tế triển khai. Hiệu suất lưu trữ, sao lưu dữ liệu phải đáp ứng 100%.

- Hệ thống cần có phương thức kiểm tra phiên bản tự động, nếu điều kiện hạ tầng mạng cho phép, để đảm bảo rằng ứng dụng đang hoạt động luôn là phiên bản mới nhất.

3.5.5.3. Yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6

- Đảm bảo phần mềm hỗ trợ IPv6.
- Đảm bảo đường truyền kết nối Internet cho Webserver hỗ trợ IPv6.
- Khai báo Web server lắng nghe được các kết nối qua mạng IPv6.
- Khai báo bản ghi AAAA cho tên miền trên hệ thống DNS Hosting.
- Đảm bảo máy chủ DNS Hosting hỗ trợ IPv6.
- Sẵn sàng hỗ trợ địa chỉ Internet thế hệ mới IPv6, DNSSEC. Triển khai HTTPS sử dụng giao thức TLS v1.2 trở lên với các bộ mã hóa an toàn trong xác thực người dùng và truyền nhận các thông tin nhạy cảm.

3.5.5.4. Yêu cầu về Kiểm thử và đánh giá an toàn thông tin

Trước khi nghiệm thu, nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm thử an toàn, an ninh thông tin (Security Testing) đối với hệ thống, bao gồm tối thiểu: đánh giá lỗ hổng bảo mật (Vulnerability Assessment) và kiểm thử xâm nhập (Penetration Testing) theo phạm vi hệ thống cung cấp.

Nhà cung cấp dịch vụ phải cung cấp đầy đủ báo cáo kết quả kiểm thử, kèm theo phương án, khắc phục các bản vá, rủi ro an toàn thông tin, lỗ hổng bảo mật và báo cáo hoàn thành việc khắc phục trước khi nghiệm thu.

Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm phối hợp và cung cấp tài liệu, bằng chứng kỹ thuật để chứng minh hệ thống đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin tương ứng với cấp độ an toàn thông tin đã được cơ quan thuê dịch vụ xác định, làm cơ sở để đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin của cơ quan thuê dịch vụ thực hiện đánh giá, thẩm định theo quy định pháp luật.

Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm và cam kết định kỳ hằng năm phối hợp, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, bằng chứng kỹ thuật và nhân sự cần thiết để thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin và quản lý rủi ro an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi cung cấp dịch vụ, theo yêu cầu và dưới sự chủ trì của cơ quan thuê dịch vụ hoặc đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin.

Các thiết bị trước khi đưa vào Trung tâm dữ liệu đều phải được đánh giá an toàn thông tin, giúp đảm bảo rằng mọi thành phần mới được tích hợp vào hệ thống thông tin sẵn có đều không mang theo những lỗ hổng bảo mật tiềm ẩn, có thể gây rủi ro cho toàn bộ cơ sở hạ tầng và dữ liệu.

3.5.5.5. Yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin

- Hệ thống phần mềm có một module bảo mật được thiết kế riêng cho mức ứng dụng. Một người sử dụng muốn chạy chương trình và thực hiện một số chức năng cụ thể thì phải được quản trị hệ thống cấp cho một tài khoản và gán cho các quyền tương ứng với các chức năng.

- Phân quyền sử dụng truy cập dữ liệu đến từng đơn vị, từng người dùng.

- Ứng dụng từ phần mềm có khả năng phân quyền chi tiết đến từng đơn vị, từng người dùng, theo từng chức năng và giới hạn mức dữ liệu được phép truy cập từ đơn vị.

- Cơ chế phân quyền đảm bảo mỗi đơn vị chỉ được phép thực hiện công việc trong giới hạn dữ liệu được phép truy cập.

- Mọi thao tác đều được ghi nhận vào Nhật ký truy cập.

- Phần mềm được triển khai phải cung cấp cơ chế ghi nhận lại mọi thao tác của người dùng trong từng ứng dụng để người quản trị có thể tìm lại dấu vết nếu có nghi ngờ.

- Phần mềm ứng dụng phải có khả năng kiểm soát chặt chẽ việc thay đổi các dữ liệu quan trọng để đảm bảo các dữ liệu này không thể thay đổi nếu chưa được xử lý một cách đúng đắn.

- Phần mềm phải được thiết kế dựa trên một hệ thống bảo mật nhiều lớp và chặt chẽ. Các cấp bảo mật mà hệ thống đưa ra bao gồm:

+ Mức hệ điều hành: Các hệ điều hành có rất nhiều công cụ và công nghệ bảo mật cao. Mỗi sản phẩm chạy trên hệ điều hành đều có thể tận dụng các tính năng này.

+ Mức cơ sở dữ liệu: hệ cơ sở dữ liệu đa người dùng phải cung cấp các tính năng bảo mật, kiểm soát việc truy cập và sử dụng cơ sở dữ liệu như: ngăn chặn các truy cập dữ liệu bất hợp pháp, ngăn chặn việc truy cập bất hợp pháp vào các bảng dữ liệu, các thủ tục, tiến trình thiết lập trong CSDL

+ Mức ứng dụng: Người sử dụng hệ thống phải được cấp quyền và xác thực trước khi sử dụng.

- Bảo mật mạng truyền thông: Bao gồm:

+ Bảo mật WebServer: Là cơ chế dựa chủ yếu vào các cơ chế bảo mật của phần mềm máy chủ Web (Web Server).

+ Tường lửa: Là mức bảo mật ở mức hệ thống, đóng vai trò quan trọng đối với hệ thống được xây dựng dựa trên các ứng dụng 3 lớp. Tường lửa được xây dựng như một máy chủ kiểm soát các luồng thông tin vào ra với hệ thống nhằm mục đích tránh bị tấn công từ Internet và các cơ hội bị kiểm soát hệ thống từ xa.

+ Hệ thống được xây dựng và thực hiện giải pháp sao lưu dự phòng, được thiết kế để bảo đảm khắc phục, phục hồi các sự cố về dữ liệu, ứng dụng, cũng như hệ điều hành. Khi cơ sở dữ liệu, máy chủ ứng dụng hoặc hệ điều hành bị sụp đổ, hệ thống phải đảm bảo các dữ liệu backup cho việc phục hồi trạng thái làm việc ổn định. Việc thực hiện sao lưu (back-up) hệ thống được thực hiện theo quy định cụ thể và theo các chu kỳ khác nhau bao gồm ngày, tuần và tháng.

+ Tất cả các bước sau đây được sử dụng khi không thể khôi phục được sự cố mà vẫn giữ nguyên được dữ liệu.

+ Trường hợp sự cố là dữ liệu của ứng dụng: Đối với sự cố khi toàn bộ các File của Database Server vẫn an toàn, chỉ có số liệu của hệ thống bị hỏng, sử dụng dữ liệu được Backup ngày để thực hiện khôi phục. Không cần phải cài đặt lại Database Server.

+ Trường hợp sự cố là Database Server: Trong trường hợp này phải cài lại Database Server và sau đó có thể sử dụng dữ liệu được backup ngày hoặc tuần để khôi phục. Nếu muốn khôi phục toàn bộ hệ thống Database Server, bao gồm thông tin trong phạm vi chương trình ứng dụng và ngoài phạm vi ứng dụng thì phải sử dụng dữ liệu backup hàng tuần. Nếu chỉ muốn khôi phục số liệu trong phạm vi ứng dụng, sử dụng dữ liệu lưu trữ hàng ngày. Trong trường hợp muốn khôi phục toàn bộ hệ thống Database Server nhưng dữ liệu lưu trữ theo ngày mới hơn, thì kết hợp cả hai số liệu được lưu trữ ở hai hình thức backup nêu trên.

+ Trường hợp xảy ra sự cố Hệ điều hành: Khi toàn bộ hệ thống bị đổ vỡ và Quản trị hệ thống không thể sử dụng kiểu phục hồi CSDL để phục hồi, quản trị hệ thống phải thực hiện hai bước sau:

- Phục hồi hệ thống sử dụng file sao lưu toàn bộ hệ thống gần nhất.
- Phục hồi CSDL sử dụng file sao lưu CSDL gần nhất.
- Phân quyền sử dụng truy cập dữ liệu đến từng đơn vị, từng người dùng.
- Ứng dụng từ phần mềm có khả năng phân quyền chi tiết đến từng đơn vị, từng người dùng, theo từng chức năng và giới hạn mức dữ liệu được phép truy cập từ đơn vị.
- Cơ chế phân quyền đảm bảo mỗi đơn vị chỉ được phép thực hiện công việc trong giới hạn dữ liệu được phép truy cập.

- Có hệ thống tự động sao lưu dữ liệu dự phòng

3.6 Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

Phần mềm kế toán nghiệp vụ Thi hành án dân sự được triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây, bảo đảm khả năng mở rộng linh hoạt theo nhu cầu sử dụng; cho phép gia tăng nhanh năng lực xử lý, tài nguyên tính toán, lưu trữ và băng thông truy cập thông qua việc điều chỉnh cấu hình hoặc bổ sung tài nguyên

phần cứng theo nhu cầu thực tế. Kiến trúc triển khai phải hỗ trợ mở rộng theo cả chiều ngang và chiều dọc, đồng thời đảm bảo tính liên tục dịch vụ trong quá trình mở rộng.

Hạ tầng triển khai Phần mềm kế toán nghiệp vụ Thi hành án dân sự phải được thiết kế và vận hành bảo đảm đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin cấp độ 3 trở lên, theo quy định luật hiện hành.

Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thiết kế, triển khai và chứng minh giải pháp hạ tầng, mạng và bảo mật đáp ứng đầy đủ các tiêu chí kỹ thuật tương ứng, đảm bảo tính an toàn, tin cậy, sẵn sàng và khả năng mở rộng linh hoạt cho toàn hệ thống, phù hợp với cấp độ an toàn thông tin theo yêu cầu.

- Nhu cầu hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai phần mềm được xác định trên cơ sở:

- Số lượng người sử dụng hệ thống và phạm vi nghiệp vụ triển khai;
- Khối lượng nghiệp vụ phát sinh và tần suất sử dụng;
- Yêu cầu về hiệu năng xử lý, tính sẵn sàng, khả năng mở rộng và an toàn thông tin (hệ thống thông tin cấp độ 3);
- Yêu cầu vận hành ổn định, liên tục trong thời gian thuê dịch vụ.

- Trên cơ sở các yếu tố nêu trên, hạ tầng kỹ thuật thuê dịch vụ cần đáp ứng các yêu cầu định hướng sau:

- Bảo đảm năng lực xử lý đáp ứng đồng thời nhiều người dùng, không gây gián đoạn trong quá trình khai thác, sử dụng;
- Bảo đảm tài nguyên tính toán, lưu trữ và kết nối mạng có khả năng mở rộng linh hoạt khi nhu cầu tăng;
- Bảo đảm dự phòng, sao lưu và khôi phục, đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

*** Dung lượng lưu trữ**

Về năng lực xử lý, hệ thống phải đáp ứng tối thiểu 2.000 người dùng, trong đó cao điểm 500 người dùng đồng thời.

Để bảo đảm phần mềm kế toán nghiệp vụ THADS vận hành ổn định, an toàn và đáp ứng nhu cầu sử dụng trong quá trình thuê dịch vụ, hệ thống lưu trữ cần được thiết kế đảm bảo theo các yêu cầu sau:

- Lưu trữ đối tượng (Object Storage):

+ Hỗ trợ giao thức tương thích chuẩn S3 để lưu trữ hồ sơ, tài liệu, chứng cứ điện tử.

+ Có chức năng quản lý phiên bản (versioning), kiểm soát truy cập, và sao lưu dự phòng dữ liệu.

- Lưu trữ tệp (File Storage): Cung cấp giải pháp lưu trữ tệp phân tán (distributed file system), hỗ trợ chia sẻ tệp giữa các dịch vụ, dễ dàng mở rộng và tối ưu chi phí vận hành.

- Lưu trữ cơ sở dữ liệu (Database Storage): Sử dụng thiết bị lưu trữ hiệu năng cao (SSD hoặc NVMe) để bảo đảm tốc độ truy vấn và xử lý dữ liệu nghiệp vụ.

- Bộ đệm (Caching): Triển khai giải pháp bộ đệm phân tán có tính sẵn sàng cao (High Availability Caching) để tăng tốc truy xuất dữ liệu tạm thời, hỗ trợ hàng chục nghìn truy cập đồng thời.

- Yêu cầu dung lượng lưu trữ tối thiểu:

- + Dung lượng lưu trữ : 10 TB (Sử dụng lưu trữ file và tài liệu)

- + Dung lượng backup: 2 TB cho Cơ sở dữ liệu (theo tình hình thực tế)

Nhà cung cấp dịch vụ cam kết bảo đảm, trong quá trình cung cấp dịch vụ, trường hợp khối lượng dữ liệu phát sinh vượt quá dung lượng tối thiểu theo yêu cầu, Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm mở rộng dung lượng lưu trữ nhằm duy trì hoạt động ổn định của hệ thống, không thu thêm bất kỳ khoản chi phí nào.

*** Yêu cầu cụ thể đối với Trung tâm dữ liệu**

- Yêu cầu hạ tầng của trung tâm dữ liệu:

- + Trung tâm dữ liệu, nơi đặt máy chủ dịch vụ phần mềm và dữ liệu, phải được tổ chức theo mô hình gồm ít nhất 02 trung tâm, 01 Trung tâm dữ liệu chính (Data Center - DC) và 01 Trung tâm dữ liệu dự phòng (Recovery Data Center - DR).

- + Hai trung tâm này cần cách nhau tối thiểu 20km để giảm nguy cơ cả hai đều bị ảnh hưởng khi xảy ra sự cố do thiên tai.

- + Các trung tâm dữ liệu phải đạt các điều kiện tương đương Tier 3 - Tiêu chuẩn hạ tầng về trung tâm dữ liệu.

- + Hệ thống hạ tầng máy chủ phải được cung cấp, triển khai và vận hành bảo đảm ứng dụng hoạt động liên tục 24/7, không gián đoạn, đồng thời có khả năng khắc phục sự cố kịp thời ngay sau khi tiếp nhận phản ánh từ cơ quan vận hành. Nhà cung cấp dịch vụ phải tổ chức kiểm tra, rà soát tổng thể hệ thống định kỳ hàng quý nhằm phát hiện rủi ro, tối ưu hiệu năng và bảo đảm nền tảng vận hành ổn định, an toàn.

- + Hạ tầng phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn, bảo mật thông tin theo nhiều lớp, bao gồm: mức mạng, mức xác thực người dùng và mức CSDL; đáp ứng khả năng bảo mật tại mức chứng thực của các máy chủ trong toàn hệ thống

+ Các giải pháp bảo mật bắt buộc bao gồm nhưng không giới hạn:

- Hệ thống phải được triển khai giải pháp giám sát an toàn thông tin tập trung theo mô hình Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) hoặc dịch vụ SOC thuê ngoài, nhằm thu thập, phân tích nhật ký, phát hiện sớm, cảnh báo và hỗ trợ xử lý kịp thời các sự cố, nguy cơ mất an toàn thông tin trong suốt quá trình vận hành. Giải pháp giám sát bảo đảm phù hợp với quy mô, tính chất của hệ thống và yêu cầu an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định.
- Hệ thống tường lửa và phân vùng mạng an toàn.
- Giải pháp xác thực định danh và kiểm soát truy cập tập trung.
- Giải pháp bảo mật hệ điều hành, hệ thống quản trị dữ liệu và ứng dụng.
- Giải pháp mã hóa dữ liệu trên đường truyền (tối thiểu TLS 1.3 hoặc tương đương).
- Giải pháp phòng, chống tấn công mạng (IPS/IDS, WAF, Anti-DDoS, Anti-Virus/Anti-Malware, Email Security...).
- Giải pháp quản lý và cấp phát quyền theo nguyên tắc tối thiểu (Least Privilege).

+ Hệ thống phải được thiết kế và vận hành với cơ chế sao lưu – dự phòng dữ liệu định kỳ (tuần/tháng/quý) và đột xuất theo nguyên tắc 3-2-1, bảo đảm khả năng khôi phục nhanh chóng và đưa nền tảng trở lại hoạt động bình thường trong trường hợp xảy ra sự cố. Toàn bộ dữ liệu quản lý phải được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu hoặc thư mục có kiểm soát, được mã hóa và phân quyền chặt chẽ theo quy định về bảo vệ dữ liệu và an toàn thông tin.

- Yêu cầu về mặt tổ chức vận hành trung tâm dữ liệu:

+ Mọi thiết bị đều có thiết bị dự phòng để thiết bị này hỏng thì có ngay thiết bị thay thế tự động bật lên mà không làm gián đoạn việc phục vụ

+ Các máy chủ hoạt động sử dụng công nghệ SAN (Storage Area Network) và Ảo hóa (Virtual Machine), đảm bảo nếu một máy chủ vật lý bị sự cố thì dịch vụ trên máy chủ sự cố từ chuyển sang máy chủ vật lý khác mà không làm gián đoạn hoạt động

- Phương án triển khai phải mang lại hiệu quả kinh tế cho người sử dụng:

+ Có phương án tính phí sử dụng dịch vụ rõ ràng, hợp lý

+ Không cần phải đầu tư thêm trang thiết bị khi triển khai dịch vụ

+ Không tốn kém chi phí bảo trì sản phẩm và duy trì đội ngũ kỹ sư CNTT hàng năm.

3.7 Yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu, an toàn thông tin theo cấp độ

Phần mềm kế toán nghiệp vụ THADS được xác định là hệ thống thông tin cấp độ 3

Hệ thống được triển khai phải đáp ứng các yêu cầu của phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ an toàn thông tin được đề xuất, phù hợp với nội dung thuyết minh trong Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin được lập và phê duyệt theo quy định.

Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư trong việc xây dựng, hoàn thiện hồ sơ cấp độ an toàn thông tin cấp độ 3 của hệ thống theo quy định; cung cấp đầy đủ thông tin kỹ thuật, tài liệu và minh chứng cần thiết để phục vụ công tác thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền;

Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm duy trì, giám sát và khắc phục kịp thời các rủi ro an toàn thông tin phát sinh trong suốt thời gian cung cấp dịch vụ.

Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm duy trì, giám sát và khắc phục kịp thời các rủi ro an toàn thông tin phát sinh trong suốt thời gian cung cấp dịch vụ.

Các cơ chế mã hóa, xác thực, phân quyền và kiểm soát truy cập phải được triển khai ở nhiều lớp, bao gồm:

- Phân quyền chi tiết theo vai trò, nhóm người dùng và phân hệ nghiệp vụ.
- Ghi nhật ký đầy đủ các hoạt động truy cập, thay đổi cấu hình, cập nhật dữ liệu.
- Dữ liệu được sao lưu, phục hồi định kỳ, bảo đảm tính toàn vẹn, sẵn sàng và khả năng khôi phục sau sự cố.
- Không cho phép truy cập trái phép hoặc chia sẻ dữ liệu ra ngoài hệ thống khi chưa có sự cho phép của cơ quan quản lý.

3.8. Yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác, chuyển đổi dữ liệu từ hệ thống cũ sang hệ thống mới

3.8.1. Hiện trạng phần mềm kế toán nghiệp vụ THADS

Phần mềm kế toán nghiệp vụ THADS (phiên bản Desktop) hiện tại đang sử dụng là của MISA đã được triển khai đồng bộ trên toàn ngành và áp dụng hiệu quả suốt nhiều năm qua. Phần mềm đã cơ bản đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý nghiệp vụ, đóng góp quan trọng vào việc nâng cao chất lượng công tác thi hành án, cụ thể như:

Về quản lý tiền mặt:

- Đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ thu tiền, chi tiền mặt của đơn vị
- Cho phép in Phiếu thu, Phiếu chi và Sổ quỹ tiền mặt

- Cảnh báo khi xuất quỹ quá số tiền tồn quỹ của Quyết định thi hành án hoặc yêu cầu thu.

Về quản lý tiền gửi:

- Đáp ứng đầy đủ nghiệp vụ thu, chi, tại ngân hàng, kho bạc
- Theo dõi tiền gửi theo từng loại quỹ tại từng tài khoản ngân hàng, kho bạc
- Đáp ứng in Ủy nhiệm chi và Sổ tiền gửi ngân hàng, kho bạc
- Cảnh báo khi xuất quỹ quá số tiền hiện có trên tài khoản ngân hàng, kho bạc của Quyết định thi hành án hoặc yêu cầu thu.

Về quản lý tài sản, vật chứng:

- Quản lý nhập, xuất, tồn theo từng quyết định, từng kho và tổng hợp tất cả các kho
- Cho phép điều chuyển kho nội bộ,
- Đáp ứng kiểm kê tồn kho.
- Đáp ứng in Phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho
- Cảnh báo khi xuất quá số lượng tài sản, vật chứng
- In được Sổ kho theo dõi tài sản, vật chứng; Thẻ kho, Biên bản kiểm kê,

...

Về báo cáo

- Đáp ứng đầy đủ mẫu Báo cáo tài chính, nghiệp vụ THADS theo Thông tư 78/2020/TT-BTC
- Đáp ứng chứng từ, báo cáo theo Thông tư 04/2023/TT-BTP
- Cung cấp các mẫu biểu giao dịch, chứng từ kế toán, mẫu biểu đối chiếu kho bạc theo Nghị định 347/2025/NĐ-CP.
- Đầy đủ các Sổ sách kế toán tổng hợp, chi tiết theo các hình thức theo Thông tư 78/2020/TT-BTC

- Đáp ứng các báo cáo quản trị, biểu đồ thống kê về tình hình thi hành án theo Chấp hành viên, Khu vực,...giúp lãnh đạo dễ dàng nắm bắt

Tổng dung lượng dữ liệu hiện hữu của phần mềm khoảng 700GB trên phạm vi 34 đơn vị đang khai thác; dữ liệu bao gồm hệ thống danh mục và dữ liệu phát sinh (chứng từ/bút toán) phục vụ hạch toán và lập báo cáo theo quy định của từng đơn vị. Về khối lượng chứng từ/bút toán, thông tin hiện có xác định dữ liệu phát sinh đầy đủ theo nghiệp vụ. Về mức độ chuẩn hóa danh mục, dữ liệu hiện trạng có đầy đủ danh mục và tham số nghiệp vụ đi kèm chứng từ/bút toán, tuy nhiên còn tồn tại các nội dung chưa đồng nhất theo quy ước, trong đó phiên bản Desktop hiện chưa hỗ trợ theo dõi theo “khu vực”, nên chưa

hình thành cấu trúc danh mục khu vực trong dữ liệu. Đồng thời một số nhóm nội dung theo cơ chế cũ hoặc thay đổi theo thời kỳ (như các nội dung liên quan biên lai, tổng hợp báo cáo tài chính theo cơ chế nhập khẩu từ đơn vị cấp dưới, thông tin người dùng/phân quyền, nhật ký truy cập), cần tiếp tục rà soát phạm vi áp dụng và quy ước dữ liệu theo giai đoạn để bảo đảm thống nhất khi chuẩn hóa dữ liệu.

Cùng với đó các dữ liệu của phần mềm kế toán nghiệp vụ THADS phiên bản Desktop đang được lưu trữ trên các máy tính của người sử dụng, vận hành chủ yếu theo mô hình máy chủ nội bộ kết nối các máy trạm qua mạng LAN. Do đặc thù triển khai kéo dài nhiều năm và phát sinh nghiệp vụ liên tục theo từng kỳ kế toán, dữ liệu tại mỗi đơn vị hình thành một “kho dữ liệu cục bộ”, bao gồm dữ liệu giao dịch, dữ liệu danh mục dùng chung, dữ liệu người dùng, phân quyền, dữ liệu sổ sách và báo cáo. Sau các đợt sáp nhập, hợp nhất tổ chức và địa bàn, dữ liệu tại nhiều đơn vị mang tính kế thừa, tích lũy theo lịch sử dài, khiến cấu trúc, chất lượng và mức độ đầy đủ thông tin giữa các đơn vị có thể không đồng nhất, đặc biệt là sự khác biệt về danh mục, quy ước nhập liệu và cách ghi nhận chi tiết theo từng thời kỳ.

3.8.2. Yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác

- Tuân thủ danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nước công bố kèm theo Thông tư 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố Ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Phiên bản của các thành phần hệ thống được cung cấp phải đảm bảo là các phiên bản được cập nhật mới nhất trong khả năng tương thích cho phép. Các thành phần hệ thống được cung cấp phải được chứng thực là tương thích và có thể tích hợp với nhau.

- Hệ thống cần được xây dựng đảm bảo được nguyên tắc thiết kế module và tính kế thừa giữa các phân hệ và dữ liệu dùng chung.

- Tích hợp và Ký số trực tiếp trên phần mềm.

- Sẵn sàng kết nối với nền tảng số trong lĩnh vực THADS, các hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu có liên quan khác.

- Phần mềm kế toán nghiệp vụ THADS phải đảm bảo kết nối, tiếp nhận thông tin đầu vào từ phân hệ biên lai điện tử; thông tin về biên lai điện tử.

- Có khả năng kết nối với hệ thống thông tin của KBNN, hỗ trợ lập chứng giao dịch với kho bạc nhà nước...

3.8.2. Yêu cầu chuyển đổi dữ liệu từ hệ thống cũ sang hệ thống mới

Đơn vị cung cấp cho thuê dịch vụ có trách nhiệm khảo sát, đánh giá cấu trúc dữ liệu phần mềm kế toán THADS phiên bản Desktop và xây dựng phương án kỹ thuật chi tiết để chuyển đổi toàn bộ dữ liệu lịch sử sang hệ thống mới, đảm bảo quy trình thực hiện phải đồng bộ, chính xác và giữ nguyên tính toàn vẹn của dữ liệu gốc mà không làm thay đổi giá trị hay cấu trúc nghiệp vụ sau khi chuyển đổi. Trong suốt quá trình thực hiện, Đơn vị cung cấp phải áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin nghiêm ngặt, bao gồm việc sao lưu dự phòng dữ liệu trước khi can thiệp, mã hóa dữ liệu trong quá trình truyền tải và tuân thủ tuyệt đối các quy định về bảo mật, cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra sự cố mất mát, sai lệch hoặc rò rỉ thông tin của Chủ đầu tư ra bên ngoài

3.9 Yêu cầu chất lượng sản phẩm, dịch vụ, quy trình xử lý khi phát sinh yêu cầu

3.9.1. Yêu cầu về hiệu năng vận hành

- Hiệu năng đáp ứng của dịch vụ: Nền tảng phải đáp ứng các cầu về hiệu năng xử lý theo số lượng người dùng của toàn Ngành THADS.

- Hệ thống đáp ứng về việc truy cập và xử lý dữ liệu của tối thiểu 2.000 người dùng, trong đó cao điểm 500 người dùng đồng thời của Ngành THADS.

- Cung cấp dung lượng lưu trữ tối thiểu 10 Terabyte (TB) trong 03 năm.

- Khả năng mở rộng của dịch vụ: Nhà cung cấp phải đảm bảo về an toàn thông tin, bảo mật, có cơ chế dự phòng/backup và triển khai ứng dụng theo mô hình hiện đại có thể mở rộng hệ thống cả về ứng dụng và cơ sở dữ liệu theo thực tế triển khai. Hiệu suất lưu trữ, sao lưu dữ liệu phải đáp ứng 100%.

- Hệ thống cần có phương thức kiểm tra phiên bản tự động, nếu điều kiện hạ tầng mạng cho phép, để đảm bảo rằng ứng dụng đang hoạt động luôn là phiên bản mới nhất.

3.9.2. Các tiêu chí về sự hài lòng của người sử dụng

- Tính kịp thời: Yêu cầu về thời gian nhà cung cấp dịch vụ hoàn tất việc cung cấp dịch vụ tới người sử dụng không được chậm hơn so với thời hạn quy định của Chủ trì thuê phần mềm yêu cầu.

- Khả năng hỗ trợ người sử dụng: Hệ thống sẵn sàng hotline 24/24h và 07 ngày trong tuần hỗ trợ người dùng. Số điện thoại hotline được hiển thị ngay màn hình đăng nhập.

3.9.3. Quy trình xử lý khi phát sinh yêu cầu

Mọi yêu cầu điều chỉnh phát sinh do thay đổi quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu, chỉ tiêu báo cáo hoặc do văn bản quy phạm pháp luật mới đều được tiếp nhận, đánh giá và triển khai theo cơ chế quản lý thay đổi thống nhất trên theo yêu cầu thống nhất của hai bên. Nguyên tắc là bảo đảm tuân thủ pháp luật, không gián đoạn vận hành, an toàn dữ liệu, truy vết đầy đủ và ưu tiên cập nhật phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước.

Quy trình xử lý thay đổi. Khi có nhu cầu điều chỉnh, đơn vị sử dụng gửi phiếu yêu cầu thay đổi qua đầu mối tiếp nhận. Nhà cung cấp xác nhận đã nhận trong ngày làm việc, thực hiện phân loại mức độ ưu tiên, phân tích tác động, lập phương án kỹ thuật và kế hoạch triển khai kèm mốc thời gian. Phương án sau khi được phê duyệt sẽ được triển khai trên môi trường thử nghiệm, thực hiện kiểm thử chung với người sử dụng (UAT), hoàn thiện tài liệu hướng dẫn, sau đó triển khai chính thức theo khung thời gian cam kết, có phương án dự phòng và khả năng quay lui nếu phát sinh rủi ro. Sau triển khai, nhà cung cấp báo cáo kết quả, tổng hợp nhật ký thay đổi và bàn giao bản mô tả chỉnh sửa để lưu hồ sơ.

Thời gian thực hiện từ 05–15 ngày làm việc tùy độ phức tạp sau khi hai bên. Nhu cầu “mở rộng chức năng” có tính chất phát triển mới (phân hệ mới, tích hợp mới ngoài phạm vi đã thống nhất) được xử lý theo kế hoạch riêng sau khi có phân tích tác động, thiết kế tổng thể và lịch triển khai được phê duyệt.

Giá thuê dịch vụ hằng năm bao gồm toàn bộ bảo trì, sửa lỗi, tối ưu hiệu năng thông thường; cập nhật tuân thủ pháp lý bắt buộc liên quan đến chế độ kế toán, mẫu biểu báo cáo, chỉ tiêu đối chiếu; điều chỉnh nhỏ để chuẩn hóa quy trình theo đặc thù THADS; nâng cấp định kỳ bảo đảm an toàn, bảo mật và khả năng tương thích. Không phát sinh chi phí bổ sung cho các nhóm thay đổi thuộc phạm vi này. Các thay đổi vượt phạm vi như phát triển phân hệ mới, tích hợp với hệ thống bên thứ ba chưa nằm trong danh mục hợp đồng, báo cáo quản trị đặc thù theo thiết kế riêng, hoặc khối lượng chỉnh sửa vượt ngưỡng nỗ lực đã thống nhất sẽ được lập phụ lục hợp đồng/đơn đặt hàng bổ sung trên cơ sở báo giá và dự toán chi tiết, chỉ triển khai khi được phê duyệt bằng văn bản. Lỗi do nhà cung cấp gây ra luôn được khắc phục không tính phí.

Nhà cung cấp cam kết duy trì nhật ký thay đổi, hồ sơ kiểm thử và biên bản nghiệm thu cho từng lần điều chỉnh; bảo đảm không làm thay đổi dữ liệu lịch sử và có phương án khôi phục nếu cần. Trường hợp vi phạm đã cam kết, áp dụng cơ chế khấu trừ/ghi có dịch vụ theo tháng tương ứng với mức độ và số lần vi phạm, cùng với kế hoạch khắc phục nguyên nhân gốc rễ. Tất cả thay đổi đều phải kèm tài liệu hướng dẫn cập nhật và, khi cần thiết, tổ chức tập huấn ngắn cho người sử dụng mà không tính phí đối với các thay đổi thuộc phạm vi giá thuê.

Đơn vị sử dụng cử đầu mối nghiệp vụ và CNTT để xác nhận yêu cầu, tham gia UAT và nghiệm thu; nhà cung cấp cử quản lý dự án phụ trách điều phối, báo cáo tiến độ hằng tuần trong giai đoạn triển khai thay đổi. Mọi trao đổi, phê duyệt và biên bản được số hoá, lưu trữ trên hệ thống quản lý yêu cầu nhằm bảo đảm minh bạch, truy vết và phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán khi cần.

3.9.4. Nguyên tắc và yêu cầu về chỉ tiêu KPI/SLA phục vụ kiểm tra, giám sát, nghiệm thu

Để bảo đảm việc kiểm soát chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin và nghiệm thu kết quả cung cấp dịch vụ có căn cứ kiểm tra, đánh giá trong quá trình chuẩn bị cung cấp dịch vụ và trong giai đoạn thuê dịch vụ, nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm xây dựng và cam kết các chỉ tiêu KPI/SLA tối thiểu gắn với hợp đồng thuê dịch vụ; đồng thời cung cấp đầy đủ báo cáo và minh chứng theo yêu cầu của chủ trì thuê dịch vụ như sau:

- + Nhà cung cấp dịch vụ phải xác lập ngưỡng đo hiệu năng đối với các nghiệp vụ trọng yếu (tối thiểu theo p95/p99), tải đồng thời và thời gian đáp ứng; kết quả được kiểm tra thông qua vận hành thử, kiểm tra thực tế và trích xuất nhật ký/giám sát hệ thống làm căn cứ đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí trong hợp đồng thuê dịch vụ.

- + Nhà cung cấp dịch vụ phải cam kết mức sẵn sàng (uptime) theo kỳ và quy định rõ phương thức ghi nhận gián đoạn; việc theo dõi, giám sát do chủ trì thuê dịch vụ tổ chức thực hiện và được tổng hợp làm căn cứ nghiệm thu kết quả cung cấp dịch vụ.

- + Nhà cung cấp dịch vụ phải quy định tần suất sao lưu, mục tiêu khôi phục (RPO/RTO), tổ chức diễn tập/kiểm tra khôi phục và lập biên bản; các tài liệu (báo cáo vận hành thử, báo cáo kiểm tra/đánh giá và biên bản liên quan) là căn cứ nghiệm thu, bàn giao đưa dịch vụ vào sử dụng.

- + Nhà cung cấp dịch vụ phải quy định cơ chế tiếp nhận, xử lý yêu cầu/sự cố theo mức độ ưu tiên và cam kết thời gian phản hồi/khắc phục; đồng thời báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ định kỳ hoặc đột xuất theo thỏa thuận trong hợp đồng; dữ liệu ticket/log là minh chứng đánh giá chất lượng dịch vụ trong giai đoạn thuê dịch vụ.

- + Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng dịch vụ được thực hiện thông qua khảo sát, thu thập phản hồi của tổ chức/cá nhân sử dụng dịch vụ và/hoặc kiểm tra thực tế định kỳ, đột xuất đối với hệ thống cung cấp dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ; kết quả kiểm soát chất lượng dịch vụ là cơ sở để nghiệm thu kết quả cung cấp dịch vụ.

3.10 Yêu cầu đối với nhà cung cấp dịch vụ

Nhà thầu cung cấp dịch vụ phải có năng lực, kinh nghiệm, uy tín và đảm bảo một số tiêu chí cơ bản sau:

- Là đơn vị, tổ chức được pháp luật cho phép hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và triển khai phần mềm;
- Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm;

- Áp dụng quy trình sản xuất phần mềm theo tiêu chuẩn CMMI (có tài liệu chứng minh);
- Có tiêu chuẩn về hệ thống quản lý an ninh thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27000 (có tài liệu chứng minh).
- Nhà thầu có cam kết Sản phẩm không vi phạm bản quyền về nhãn hiệu sản phẩm cung cấp.
- Nhà thầu có cam kết Mã nguồn sử dụng để xây dựng sản phẩm đều có xuất xứ rõ ràng

3.11. Yêu cầu về đào tạo và hướng dẫn sử dụng

3.11.1. Đào tạo, tập huấn sử dụng hệ thống phần mềm

- Công tác đào tạo được tổ chức tập trung tại 03 địa điểm là Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, bảo đảm thuận lợi về di chuyển, tập trung nguồn lực và thống nhất cách thức hướng dẫn. Tại mỗi địa điểm tổ chức đào tạo kéo dài dự kiến 03 ngày, tổng quy mô dự kiến khoảng 1000 học viên, phù hợp để đáp ứng nhu cầu đào tạo đồng bộ trên diện rộng. Nội dung đào tạo tập trung vào hướng dẫn thao tác sử dụng phần mềm theo đúng quy trình nghiệp vụ kế toán THADS, bao gồm các chức năng cốt lõi và các chức năng mới trên nền tảng trực tuyến; đồng thời hướng dẫn quy trình lập, trình duyệt, ký số, lưu trữ chứng từ và khai thác báo cáo. Việc đào tạo cũng phải bao gồm hướng dẫn các tình huống thường gặp khi vận hành (tra cứu, đối chiếu số liệu, xử lý sai sót, cảnh báo hệ thống), quy trình phối hợp hỗ trợ kỹ thuật và cách thức tiếp nhận thông tin liên thông (nếu có) để bảo đảm người dùng có thể xử lý công việc liên tục, hạn chế phụ thuộc vào hỗ trợ sau đào tạo.

- Nhà cung cấp có trách nhiệm chuẩn bị giáo trình, tài liệu hướng dẫn, bộ tình huống thực hành và môi trường đào tạo (tài khoản, dữ liệu mẫu, kịch bản nghiệp vụ) để học viên thực hành trực tiếp trong thời gian tập huấn. Kết thúc đào tạo, nhà cung cấp tổ chức tổng kết, giải đáp vướng mắc, ghi nhận yêu cầu điều chỉnh hợp lý và phối hợp với đơn vị sử dụng thực hiện đánh giá kết quả đào tạo thông qua bài thực hành/kịch bản nghiệp vụ mẫu, làm căn cứ xác nhận mức độ sẵn sàng vận hành.

- Đối tượng đào tạo: Cán bộ sử dụng
- Nội dung đào tạo:
 - + Đào tạo cán bộ quản trị hệ thống, quản lý tài khoản, phân quyền tài khoản và quản lý các danh mục hệ thống
 - + Đào tạo cán bộ trực tiếp sử dụng phần mềm sử dụng hệ thống, với các chức năng thay đổi, cập nhật.

+ Cán bộ nhà thầu phối hợp với các đơn vị trực tiếp sử dụng phần mềm, ghi nhận các yêu cầu hỗ trợ nếu có.

3.11.2 Chi tiết yêu cầu về đào tạo:

* Chi phí tài liệu đào tạo:

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Chi phí tài liệu đào tạo	Bộ	1
	Biên soạn tài liệu đào tạo	Trang	40
	Sửa chữa, biên tập tổng thể;	Trang	40
	In tài liệu đào tạo hướng dẫn sử dụng		

*** Chi phí đào tạo tại 03 địa điểm là Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh (3 lớp đào tạo)**

Chi tiết 01 lớp đào tạo:

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Số người
	Chi phí đào tạo một lớp			
1	Chi phí giảng viên	Ngày	3	1
2	Chi phí trợ giảng	Ngày	3	2
3	Phụ cấp tiền ăn, lưu trú cho giảng viên và trợ giảng	Ngày	3	3
4	Chi phí phòng nghỉ cho giảng viên và trợ giảng	Ngày	3	3
5	Chi phí đi lại cho giảng viên, trợ giảng	lượt	2	3
6	Chi phí thuê phòng học	Ngày	3	
7	Chi phí thuê màn chiếu, máy chiếu	Ngày	3	
8	Nước uống, teabreak cho học viên (180 học viên/lớp)	buổi	6	183
9	Photo tài liệu	Bộ	180	

3.12 Yêu cầu về bảo trì phần mềm

- Hệ thống phải đảm bảo vận hành liên tục 24/7 và được bảo trì suốt thời gian thuê.

- Nhà cung cấp đảm bảo sau khi nhận được yêu cầu bảo trì chính thức bằng văn bản hay điện thoại của Cục thì phải có trách nhiệm nghiên cứu và đề xuất giải pháp khắc phục lỗi chậm nhất là 24 giờ làm việc. Trong trường hợp

khẩn cấp thì nhà cung cấp phải có Phương án để giải quyết vấn đề sớm nhất có thể (kể cả ngày nghỉ, ngày Lễ).

3.13 Yêu cầu về kiểm soát chất lượng dịch vụ và nghiệm thu kết quả cung cấp dịch vụ

3.13.1. Kiểm soát chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin trong giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ

a) Dịch vụ để đưa vào sử dụng theo hợp đồng phải được kiểm soát chất lượng. Quy trình kiểm soát chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin trong giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ được chủ trì thuê dịch vụ thực hiện thông qua vận hành thử, phương pháp kiểm tra, đánh giá khác (nếu có) tương ứng với mỗi tiêu chí cụ thể trong hợp đồng thuê dịch vụ;

Kết quả kiểm soát chất lượng dịch vụ là cơ sở để nghiệm thu, bàn giao dịch vụ đưa vào sử dụng. Các tài liệu làm căn cứ nghiệm thu bao gồm: Báo cáo kết quả vận hành thử; Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá (nếu có); Các biên bản, tài liệu khác có liên quan.

b) Chủ trì thuê dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ thống nhất, ký biên bản nghiệm thu, bàn giao dịch vụ công nghệ thông tin để đưa vào sử dụng trên cơ sở vận dụng Mẫu số 1 của Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông làm cơ sở đưa dịch vụ vào sử dụng chính thức.

3.13.2. Kiểm soát chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin trong giai đoạn thuê dịch vụ

a) Dịch vụ trong giai đoạn thuê dịch vụ theo hợp đồng phải được kiểm soát chất lượng. Chủ trì thuê dịch vụ tổ chức thực hiện theo dõi, giám sát quá trình cung cấp dịch vụ của nhà cung cấp dịch vụ và kiểm tra, đánh giá chất lượng dịch vụ trong giai đoạn thuê dịch vụ.

Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng dịch vụ được thực hiện thông qua khảo sát, thu thập, phân tích, đánh giá phản hồi của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ hoặc kiểm tra thực tế định kỳ, đột xuất đối với hệ thống cung cấp dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ để đánh giá chất lượng dịch vụ theo các tiêu chí cụ thể đã xác định hoặc kết hợp các hình thức.

Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm cung cấp dịch vụ; báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ trong giai đoạn thuê dịch vụ cho chủ trì thuê dịch vụ định kỳ hoặc đột xuất theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Kết quả kiểm soát chất lượng dịch vụ là cơ sở nghiệm thu kết quả cung cấp dịch vụ.

3.13.3. Nghiệm thu kết quả cung cấp dịch vụ

a) Chủ trì thuê dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ thống nhất, ký biên bản

nghiệm thu kết quả cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin trên cơ sở vận dụng Mẫu số 5 của Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông làm cơ sở thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Các tài liệu làm căn cứ nghiệm thu bao gồm: Báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin lập; Báo cáo kết quả kiểm soát chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin của chủ trì thuê dịch vụ lập; Biên bản bàn giao thông tin và dữ liệu hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ (nếu có); Các biên bản, tài liệu khác có liên quan.

3.14. Yêu cầu về quản lý, chuyển giao dữ liệu trong quá trình thuê

3.14.1 Quyền sở hữu thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ

- Cục Quản lý THADS có toàn quyền sử dụng dịch vụ đã thuê để phục vụ hoạt động chuyên môn và có quyền truy xuất, tải về toàn bộ thông tin, dữ liệu do đơn vị tạo lập trong suốt thời gian sử dụng dịch vụ. Toàn bộ thông tin, dữ liệu phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ là tài sản thuộc quyền sở hữu của Cục Quản lý THADS. Bên cung cấp dịch vụ không được phép khai thác hoặc sử dụng dữ liệu dưới bất kỳ hình thức nào nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của bên thuê.

- Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, chuyển giao đầy đủ cho chủ trì thuê dịch vụ các thông tin, dữ liệu khi kết thúc hợp đồng để bảo đảm cơ quan nhà nước vẫn có thể khai thác sử dụng dịch vụ được liên tục kể cả trong trường hợp thay đổi nhà cung cấp dịch vụ. Bên cung cấp dịch vụ không được quyền khai thác và sử dụng bất kỳ thông tin dữ liệu nào mà chưa được bên thuê đồng ý bằng văn bản.

- Dữ liệu thô: Tất cả các thông tin, dữ liệu về hiệu năng hoạt động của hạ tầng CNTT được thu thập bởi hệ thống là tài sản của cơ quan, đơn vị thuê. Nhà cung cấp dịch vụ chỉ có quyền truy cập và sử dụng các dữ liệu này trong phạm vi cần thiết để cung cấp dịch vụ và theo thỏa thuận đã ký kết.

- Thông tin, báo cáo phân tích: Các báo cáo, biểu đồ, cảnh báo, phân tích hiệu năng được hệ thống tạo ra từ dữ liệu thô cũng thuộc quyền sở hữu của cơ quan, đơn vị thuê. Đây là sản phẩm dịch vụ mà bên thuê đã trả tiền để nhận được.

- Nhà thầu cung cấp dịch vụ phải cam kết:

+ Bảo mật thông tin: Bên cho thuê phải cam kết tuyệt đối bảo mật tất cả các thông tin, dữ liệu của cơ quan, đơn vị thuê. Nhà cung cấp dịch vụ không được phép tiết lộ, sao chép, sử dụng cho mục đích khác ngoài hợp đồng dưới bất

cứ hình thức nào, qua bất kỳ công cụ nào khi chưa được sự cho phép bằng văn bản của chủ trì thuê dịch vụ trong suốt quá trình thực cung cấp dịch vụ CNTT.

+ Việc bàn giao, chuyển giao tài sản hình thành trong quá trình thuê sau khi kết thúc thời gian thuê được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ.

+ Bảo đảm an toàn, bảo mật và tính riêng tư về thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước; tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, an ninh thông tin, cơ yếu và Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước.

+ Không độc quyền sử dụng: Bên cho thuê không được phép độc quyền hoặc yêu cầu quyền sở hữu đối với bất kỳ thông tin, dữ liệu nào phát sinh từ hệ thống trong quá trình cung cấp dịch vụ.

+ Xóa bỏ dữ liệu sau khi kết thúc hợp đồng: Bên cho thuê có trách nhiệm xóa bỏ hoặc trả lại toàn bộ dữ liệu trên các hệ thống của mình sau khi hợp đồng kết thúc hoặc chấm dứt, theo thỏa thuận cụ thể.

+ Trong trường hợp đơn vị chủ trì thuê chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với nhà cung cấp dịch vụ, nhà cung cấp dịch vụ phải có trách nhiệm cung cấp toàn bộ các thông tin, dữ liệu và tài sản (nếu có) hình thành thuộc sở hữu của đơn vị chủ trì thuê dịch vụ dưới dạng dữ liệu có thể truy xuất, đọc được; nhà cung cấp dịch vụ phải cam kết bảo mật toàn bộ thông tin, dữ liệu trong quá trình cung cấp dịch vụ và chịu toàn bộ trách nhiệm khi vi phạm các quy định của pháp luật và nghĩa vụ của bên cung cấp dịch vụ tại các điều khoản của hợp đồng

3.15 Yêu cầu về phương án quản lý, chuyển giao cho bên thuê

- Bên thuê (Cục Quản lý THADS) và nhà cung cấp dịch vụ cần thỏa thuận, thống nhất vai trò, trách nhiệm trong việc quản lý, chuyển giao và vận hành hệ thống (thể hiện rõ ràng trong hợp đồng giữa hai bên) đảm bảo hệ thống vận hành đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin mạng, an toàn dữ liệu.

- Nhà cung cấp dịch vụ không sử dụng dịch vụ cung cấp cho bên thuê (Cục Quản lý THADS) để cung cấp các thông tin, dữ liệu phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống để thực hiện các dịch vụ có thu phí hoặc không thu phí hoặc các hoạt động thương mại khác.

Tuân thủ quy định pháp luật: Quy trình và phương án chuyển giao dữ liệu phải tuân thủ đúng quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 12 Thông tư số 16/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

a. Trong thời gian cung cấp dịch vụ

- Truy cập và sử dụng: Bên thuê (Cục Quản lý THADS) phải được cấp quyền truy cập đầy đủ và không giới hạn vào hệ thống báo cáo để xem, trích

xuất, tải xuống các thông tin, dữ liệu và báo cáo hiệu năng mọi lúc, mọi nơi (theo quy định về tính sẵn sàng của dịch vụ).

- Định dạng dữ liệu: Dữ liệu và báo cáo phải được cung cấp ở các định dạng phổ biến, dễ dàng truy cập và sử dụng.

- Quy trình báo cáo: Thống nhất quy trình, tần suất báo cáo định kỳ (ngày, tuần, tháng) và quy trình yêu cầu báo cáo đột xuất.

b. Khi kết thúc hoặc chấm dứt hợp đồng

- Thời hạn chuyển giao: Hợp đồng phải quy định rõ thời hạn bên cho thuê phải hoàn tất việc chuyển giao toàn bộ dữ liệu và thông tin cho bên thuê kể từ ngày hợp đồng chấm dứt/kết thúc.

- Hình thức chuyển giao:

- + Trực tuyến: Bên thuê có thể tải xuống toàn bộ dữ liệu và báo cáo từ hệ thống của bên cho thuê thông qua giao diện trong một khoảng thời gian nhất định sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng.

- + Ngoại tuyến: Bên cho thuê sẽ cung cấp dữ liệu trên các thiết bị lưu trữ vật lý (ổ cứng, USB) được mã hóa và bảo mật, hoặc thông qua kênh truyền dẫn an toàn.

- + Định dạng: Dữ liệu phải được chuyển giao dưới định dạng có thể đọc và sử dụng được.

- Kiểm tra và xác nhận: Bên thuê có quyền kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và toàn vẹn của dữ liệu được chuyển giao.

- Xóa bỏ dữ liệu khỏi hệ thống của bên cho thuê: Sau khi hoàn tất chuyển giao và bên thuê xác nhận, bên cho thuê phải cam kết xóa bỏ vĩnh viễn tất cả dữ liệu khỏi máy chủ, hệ thống lưu trữ và bản sao lưu của mình. Quy trình xóa bỏ phải được mô tả rõ ràng và có xác nhận bằng văn bản.

- Hỗ trợ kỹ thuật: Bên cho thuê cần cam kết hỗ trợ trong vòng 60 ngày sau khi chuyển giao để đảm bảo bên thuê có thể hiểu và sử dụng dữ liệu một cách hiệu quả.

3.16 Yêu cầu về các phát sinh trong quá trình khai thác dịch vụ

- Những phát sinh không làm tăng thêm các chi phí: Đơn vị cung cấp dịch vụ sẽ tiến hành hỗ trợ, triển khai thực hiện.

- Những phát sinh làm tăng thêm chi phí: Bên thuê và bên cho thuê sẽ cùng nhau bàn bạc, thống nhất, trong trường hợp chi phí phát sinh thuộc các nội dung sau đây thì hai bên sẽ cùng tiến hành lập biên bản, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định để điều chỉnh Kế hoạch và các nội dung điều khoản của hợp đồng:

- + Xuất hiện các yếu tố bất khả kháng: sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc các sự kiện bất khả kháng khác có tác động trực tiếp đến hoạt động thuê;

+ Khi kế hoạch thuê được cấp thẩm quyền điều chỉnh có ảnh hưởng trực tiếp tới phạm vi, nội dung, quy mô, mục tiêu của kế hoạch thuê

- Cam kết đáp ứng yêu cầu mới: Đơn vị cung cấp dịch vụ cam kết sẵn sàng đáp ứng kịp thời các yêu cầu phát sinh về kỹ thuật, chức năng, tính năng của hệ thống, kết nối và chia sẻ dữ liệu khi có yêu cầu từ Bên Thuê dịch vụ hoặc khi có các văn bản pháp lý, quy định mới được ban hành có liên quan đến nội dung dịch vụ. Việc cập nhật, bổ sung này không làm phát sinh chi phí thuê dịch vụ cho bên thuê.

- Cam kết nâng cấp trong thời gian thuê: Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm và cam kết cụ thể về thời gian thực hiện việc cập nhật, bổ sung, nâng cấp hệ thống. Các nội dung này phải được thể hiện rõ trong hợp đồng và được thực hiện trong suốt thời gian thuê dịch vụ.

- Yêu cầu đối với công tác bảo trì và hỗ trợ hệ thống:

+ Trường hợp thực hiện nâng cấp, cải tiến hệ thống trong giờ làm việc hành chính, đơn vị cung cấp dịch vụ phải thông báo trước ít nhất 48 giờ bằng văn bản hoặc email. Cơ quan đầu mối tiếp nhận thông tin: Cục Quản lý THADS.

+ Việc bảo trì cần được ưu tiên thực hiện ngoài giờ hành chính và đảm bảo tổng thời gian gián đoạn dịch vụ không vượt quá 08 giờ để không ảnh hưởng đến hoạt động của bên thuê dịch vụ.

+ Đối với các sự cố phát sinh trong giờ làm việc, đơn vị cung cấp dịch vụ cam kết xử lý trong thời gian không quá 08 giờ kể từ khi tiếp nhận thông báo.

+ Bên cung cấp dịch vụ phải bố trí nhân sự chuyên trách để tiếp nhận và xử lý các phản hồi, vướng mắc, hỗ trợ hỏi đáp từ người dùng và đơn vị thuê trong suốt quá trình triển khai và sử dụng dịch vụ.

+ Cam kết duy trì hỗ trợ kỹ thuật và vận hành 24 giờ/ngày, 07 ngày/tuần trong toàn bộ thời gian hợp đồng thuê có hiệu lực.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch triển khai

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

5.1. Yêu cầu về nghiệm thu, bàn giao, đưa dịch vụ vào sử dụng

Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng dịch vụ được thực hiện thông qua kiểm thử hoặc vận hành thử và các phương pháp kiểm tra, đánh giá (nếu có) tương ứng với mỗi tiêu chí cụ thể gồm:

- Các yêu cầu về kỹ thuật được xác định theo các tiêu chí, bảo đảm phù hợp với các yêu cầu chất lượng dịch vụ trong hồ sơ thuyết minh được phê duyệt, bao gồm: Các tiêu chí về chức năng nghiệp vụ; các tiêu chí về an toàn thông tin; các tiêu chí phi chức năng;

- Kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng dịch vụ là cơ sở nghiệm thu, bàn giao dịch vụ để đưa vào sử dụng. Các tài liệu làm căn cứ nghiệm thu bao gồm:

- + Báo cáo kết quả kiểm thử và đánh giá an toàn thông tin;
- + Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá (nếu có);
- + Các biên bản, tài liệu khác có liên quan.

Việc kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao, đưa vào sử dụng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5.2. Yêu cầu về kiểm soát chất lượng dịch vụ và nghiệm thu kết quả cung cấp dịch vụ

5.2.1 Kiểm soát chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin trong giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ

a) Dịch vụ để đưa vào sử dụng theo hợp đồng phải được kiểm soát chất lượng. Quy trình kiểm soát chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin trong giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ được chủ trì thuê dịch vụ thực hiện thông qua vận hành thử, phương pháp kiểm tra, đánh giá khác (nếu có) tương ứng với mỗi tiêu chí cụ thể trong hợp đồng thuê dịch vụ;

Kết quả kiểm soát chất lượng dịch vụ là cơ sở để nghiệm thu, bàn giao dịch vụ đưa vào sử dụng. Các tài liệu làm căn cứ nghiệm thu bao gồm: Báo cáo kết quả vận hành thử; Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá (nếu có); Các biên bản, tài liệu khác có liên quan.

b) Chủ trì thuê dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ thống nhất, ký biên bản nghiệm thu, bàn giao dịch vụ công nghệ thông tin để đưa vào sử dụng trên cơ sở vận dụng Mẫu số 1 của Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông làm cơ sở đưa dịch vụ vào sử dụng chính thức.

5.2.2 Kiểm soát chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin trong giai đoạn thuê dịch vụ

a) Dịch vụ trong giai đoạn thuê dịch vụ theo hợp đồng phải được kiểm soát chất lượng. Chủ trì thuê dịch vụ tổ chức thực hiện theo dõi, giám sát quá trình cung cấp dịch vụ của nhà cung cấp dịch vụ và kiểm tra, đánh giá chất lượng dịch vụ trong giai đoạn thuê dịch vụ.

Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng dịch vụ được thực hiện thông qua khảo sát, thu thập, phân tích, đánh giá phản hồi của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ hoặc kiểm tra thực tế định kỳ, đột xuất đối với hệ thống cung cấp dịch vụ và nhà

cung cấp dịch vụ để đánh giá chất lượng dịch vụ theo các tiêu chí cụ thể đã xác định hoặc kết hợp các hình thức.

Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm cung cấp dịch vụ; báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ trong giai đoạn thuê dịch vụ cho chủ trì thuê dịch vụ định kỳ hoặc đột xuất theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Kết quả kiểm soát chất lượng dịch vụ là cơ sở nghiệm thu kết quả cung cấp dịch vụ.

5.2.3 Nghiệm thu kết quả cung cấp dịch vụ

a) Chủ trì thuê dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ thống nhất, ký biên bản nghiệm thu kết quả cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin trên cơ sở vận dụng Mẫu số 5 của Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông làm cơ sở thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Các tài liệu làm căn cứ nghiệm thu bao gồm: Báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin lập; Báo cáo kết quả kiểm soát chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin của chủ trì thuê dịch vụ lập; Biên bản bàn giao thông tin và dữ liệu hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ (nếu có); Các biên bản, tài liệu khác có liên quan.